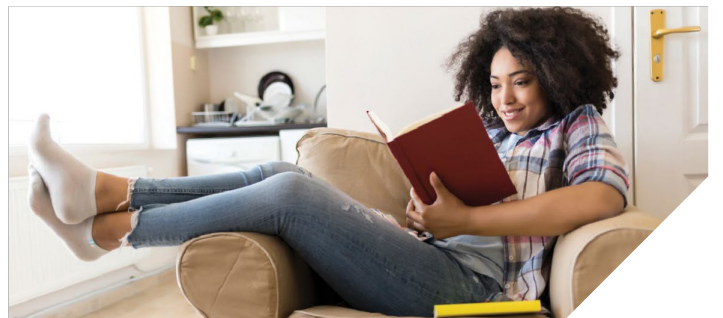




DANH MỤC THUỐC NĂM 2025

CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY
1 THÁNG 1 NĂM 2025



Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược tương ứng và nên được coi là thuốc điều trị bước một. FDA yêu cầu các thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc kê toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Các loại thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng có được đề cập trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra các quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về phạm vi bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng ngừa và được Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Cả Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1_A** - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) được chọn có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1_B** - Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) được chọn có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưa tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết để giải quyết các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ.
RX/OTC	Thuốc theo toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu **“Các lần mua thuốc đầu tiên bị giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày”** cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong khoảng thời gian 28 ngày bất kỳ và tối đa tổng lượng thuốc đủ dùng trong 28 ngày không liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày bất kỳ. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc thuộc nhóm opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders			<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
Amphetamines			<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	Anti-Obesity Agents		
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	CONTRAVE	3	QL(4 EA daily); PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG</i>	1B		Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 25 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B		Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B		SUNOSI 75 MG	3	QL(2 EA daily); PA
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	SUNOSI 150 MG	3	QL(1 EA daily); PA
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily); ST	Stimulants - Misc.		
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1B	QL(1 EA daily); ST	<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
Anorexiants Non-Amphetamine			<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
			METHYLIN SOLN (<i>methylphenidate hcl</i>)	2	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
			<i>methylphenidate hcl CHEW 10 MG</i>	1B	QL(5 EA daily)
			<i>methylphenidate hcl CHEW 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
			<i>methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
			<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
AMEBICIDES		
Amebicides		
SOLOSEC	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 2 GM/50ML, 10 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ML per 56 day(s) retail; 280 ML per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ LQ SOLN	4	QL(12 ML daily); PA
RINVOQ TB24	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ML daily); PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 EA daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		
CYLTEZO (2 PEN) AJKT	4	QL(0.072 EA daily); PA
CYLTEZO (2 PEN) AJKT	4	QL(0.215 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 EA daily); PA	HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	4	QL(0.072 EA daily); PA	HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	HUMIRA-PSORIASIS/UEIT STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	QL(0.215 EA daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO-PSORIASIS/UV STARTER AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
CYLTEZO-PSORIASIS/UV STARTER AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.29 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 EA daily); PA	YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	Gold Compounds		
HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	AURANOFIN 3 MG	3	QL(3 EA daily)
HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	RIDAURA	3	QL(3 EA daily)
HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	Interleukin-1 Blockers		
			ARCALYST	4	QL(0.286 EA daily); SP; PA
			Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
			ACTEMRA ACTPEN SOAJ	4	SP; PA
			ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	4	QL(40 ML per 28 day(s) retail; 40 ML per 28 days mail); SP; PA	<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
ACTEMRA SOSY	4	SP; PA	<i>naproxen TABS</i>	1B	
KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ML daily); PA	<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ML daily); PA	<i>oxaprozin TABS</i>	1B	
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)			<i>piroxicam CAPS</i>	1B	
<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>sulindac TABS</i>	1B	
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B		<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B		<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B		Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B		OTEZLA XR TB24 PO 75 MG	4	QL(1 EA daily); PA
<i>etodolac CAPS</i>	1B		OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>etodolac TABS</i>	1B		OTEZLA TABS	4	QL(2 EA daily); PA
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 EA daily); ST	OTEZLA TBPk	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
<i>flurbiprofen TABS</i>	1B		OTEZLA TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML</i>	1B	RX/OTC	Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B		<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A		Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B		ENBREL MINI SOCT	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>indomethacin CPCR</i>	1B		ENBREL SURECLICK SOAJ	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1B		ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(0.667 EA daily)	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B		ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ML daily); SP; PA
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	QL(5 EA daily); ST	ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)			
<i>nabumetone</i>	1B				
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Analgesic Combinations			<i>hydrocodone bitartrate CP12</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>hydrocodone bitartrate T24A</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B		<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
Salicylates			<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ML per fill retail)
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B	
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A		<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 days.; QL(6 EA daily)
<i>diflunisal TABS</i>	1B		<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>salsalate</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ML daily)
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions			<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B	
Opioid Agonists			<i>methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ML daily)
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>METHADONE HCL SOLN IJ (methadone hcl)</i>	1B	
CODEINE SULFATE TABS	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 EA daily); PA			
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 EA daily)	<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ML daily)
<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ML daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ML daily)	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B		<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	<i>butalbital-acetaminophen-cafeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>butalbital-acetaminophen-cafeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA	<i>butalbital-aspirin-cafeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ML daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA			
<i>SUBSYS LIQD 800 MCG</i>	3	QL(8 EA daily); PA			
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)			
<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 EA daily)			
Opioid Combinations					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ML daily); PA
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)	<i>nalbuphine hcl</i>	1B	QL(8 ML daily)
<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA	<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 EA daily)	SUBLOCADE SOSY	2	
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)	SUBOXONE FILM SL (<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate</i>)	2	
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)	ZUBSOLV SUBL	2	
<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)	ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Opioid Partial Agonists			Androgens		
BRIXADI (WEEKLY) SOSY	2		ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 EA daily); PA
BRIXADI SOSY 64 MG/0.18ML, 96 MG/0.27ML, 128 MG/0.36ML	2		<i>danazol CAPS</i>	1B	
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL</i>	1A		<i>methytestosterone TABS</i>	1B	
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1A		<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B		TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1B	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1A		<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA	ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B		Intrarectal Steroids		
			<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(1.6 GM daily); PA
			<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
			Rectal Steroids		
			<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	
			<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
			Vasodilating Agents		
			<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 GM daily)
			ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA
EMVERM CHEW	2	QL(2 EA daily; 6 EA per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail
<i>ivermectin</i>	1B	QL(9 EA per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1B	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1B	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
ANTIANXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	
<i>dofetilide</i>	1B	
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
NUCALA SOAJ	4	QL(0.1073 ML daily); PA
NUCALA SOLR	4	QL(0.1073 EA daily); PA
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ML daily); PA
NUCALA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.1073 ML daily); PA
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ML daily); PA
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 EA daily); PA
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ML daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Bronchodilators - Anticholinergics		
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 GM daily)
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 EA daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ML daily)
SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	2	QL(0.14 GM daily)
<i>tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG</i>	1B	QL(1 EA daily)
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>zileuton TB12</i>	3	QL(4 EA daily); PA
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast</i>	3	QL(1 EA daily)
Steroid Inhalants		
ALVESCO	3	PA
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (<i>fluticasone furoate (inhalation)</i>)	2	
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ML daily); PA
<i>fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT</i>	1B	
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B	
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 GM daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
QVAR REDHALER	2		<i>levalbuterol hcl</i>	1B	QL(12 ML daily)
Sympathomimetics			<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	
ADVAIR HFA AERO (<i>fluticasone-salmeterol</i>)	1B		SEREVENT DISKUS	2	
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B		STIOLTO RESPIMAT	2	
<i>albuterol sulfate NEBU</i>	1B	QL(15 ML daily)	STRIVERDI RESPIMAT	2	
<i>albuterol sulfate NEBU</i>	1B		<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B		<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B	
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B		TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 EA daily)
ANORO ELLIPTA 25 MCG/ACT-62.5 MCG/ACT (<i>umeclidinium-vilanterol</i>)	2	QL(2 EA daily)	<i>umeclidinium-vilanterol</i>	2	QL(2 EA daily)
<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ML daily)	Xanthines		
BREO ELLIPTA	2		<i>theophylline ELIX</i>	1B	
BREO ELLIPTA (<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>)	2		<i>theophylline SOLN</i>	1B	QL(56 ML daily)
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 GM daily)	<i>theophylline TB12</i>	1B	
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B		<i>theophylline TB24</i>	1B	
COMBIVENT RESPIMAT AERS	2	QL(0.16 GM daily)	ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
DULERA	2		Coumarin Anticoagulants		
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B		<i>warfarin sodium TABS</i>	1B	
<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1B		Direct Factor Xa Inhibitors		
<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B		ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPK	2	QL(2.47 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ML daily)	ELIQUIS TABS	2	QL(2 EA daily)
<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ML daily)	<i>rivaroxaban SUSR 1 MG/ML</i>	1B	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)
<i>levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML</i>	1B		<i>rivaroxaban TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
			XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
			XARELTO SUSR 1 MG/ML (<i>rivaroxaban</i>)	2	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)
			XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 EA daily)
			XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG (<i>rivaroxaban</i>)	2	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 EA daily)
Heparins And Heparinoid-Like Agents		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ML daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ML daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ML daily); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ML daily)
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ML per 180 day(s) retail; 7 ML per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ML per 180 day(s) retail; 5 ML per 180 days mail); SP
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
HEPARIN (PORCINE) IN NACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Thrombin Inhibitors		
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B	
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures		
AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG (<i>perampanel</i>)	3	QL(1 EA daily); PA
FYCOMPA TABS 6 MG (<i>perampanel</i>)	3	QL(2 EA daily); PA
FYCOMPA TABS 2 MG (<i>perampanel</i>)	3	QL(6 EA daily); PA
FYCOMPA TABS 4 MG (<i>perampanel</i>)	3	QL(3 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 4 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 6 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ML daily); PA
<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>clonazepam TABS</i>	1A	
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail
NAYZILAM	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
Anticonvulsants - Misc.		
APTOM 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG (<i>eslicarbazepine acetate</i>)	3	QL(2 EA daily); ST
BANZEL TABS 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
BANZEL TABS 200 MG (rufinamide)	2	QL(2 EA daily); PA	lamotrigine TABS 200 MG	1B	QL(2.5 EA daily)
BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML	3	QL(20 ML daily); PA	lamotrigine TABS 150 MG	1B	QL(4 EA daily)
BRIVIACT TABS	3	QL(2 EA daily); PA	lamotrigine TABS 100 MG	1B	QL(5 EA daily)
carbamazepine CHEW 100 MG	1B		lamotrigine TABS 25 MG	1B	QL(20 EA daily)
carbamazepine CP12 100 MG	1B		lamotrigine TBDP	1B	QL(1 EA daily)
carbamazepine CP12 300 MG	1B	QL(4 EA daily)	levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML	1B	QL(30 ML daily)
carbamazepine CP12 200 MG	1B	QL(6 EA daily)	levetiracetam TABS 1000 MG	1B	QL(3 EA daily)
carbamazepine SUSP	1B		levetiracetam TABS 500 MG	1B	QL(6 EA daily)
carbamazepine TABS	1B		levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG	1B	QL(4 EA daily)
carbamazepine TB12 200 MG	1B	QL(6 EA daily)	levetiracetam TB24	1B	QL(4 EA daily)
carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	1B	QL(4 EA daily)	oxcarbazepine SUSP	1B	QL(40 ML daily)
DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA	oxcarbazepine TABS 600 MG	1B	QL(4 EA daily)
DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	1B	QL(3 EA daily)
DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA	pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG	3	QL(3 EA daily); PA
DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA	pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG	3	QL(2 EA daily); PA
EPIDIOLEX	3	PA	pregabalin SOLN	3	QL(30 ML daily); PA
eslicarbazepine acetate 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG	1B	QL(2 EA daily); ST	primidone 50 MG, 250 MG	1B	QL(8 EA daily)
gabapentin CAPS	1B		rufinamide SUSP	1B	QL(80 ML daily); PA
gabapentin SOLN	1B	QL(60 ML daily)	rufinamide TABS 200 MG	1B	QL(2 EA daily); PA
gabapentin TABS 600 MG, 800 MG	1B		rufinamide TABS 400 MG	1B	QL(8 EA daily); PA
lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML	1B	QL(40 ML daily)	TEGRETOL SUSP (carbamazepine)	2	
lacosamide TABS	1B	QL(2 EA daily)	TEGRETOL TABS (carbamazepine)	2	
lamotrigine CHEW 25 MG	1B	QL(20 EA daily)	topiramate CPSP 25 MG	1B	QL(8 EA daily)
lamotrigine CHEW 5 MG	1B	QL(100 EA daily)	topiramate CPSP 15 MG	1B	QL(6 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>topiramate CS24</i>	3	PA
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
Carbamates		
<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
GABA Modulators		
<i>tiagabine hcl</i>	1B	
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
Hydantoins		
DILANTIN	2	
DILANTIN (<i>phenytoin sodium extended</i>)	2	
DILANTIN INFATABS CHEW (<i>phenytoin</i>)	2	
DILANTIN-125 SUSP (<i>phenytoin</i>)	2	
DILANTIN SUSP (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>fosphenytoin sodium</i>	1B	
<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B	
<i>phenytoin CHEW</i>	1B	
<i>phenytoin SUSP</i>	1B	
Succinimides		
<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ZARONTIN CAPS (<i>ethosuximide</i>)	2	QL(6 EA daily)
Valproic Acid		
<i>divalproex sodium TB24</i>	1B	
<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B	
<i>valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML</i>	1B	
<i>valproic acid CAPS</i>	1B	
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
<i>mirtazapine TABS</i>	1B	
<i>mirtazapine TBDP</i>	1B	
Antidepressants - Misc.		
<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	
<i>bupropion hcl TB12</i>	1B	
<i>bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG</i>	1B	
Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
EMSAM	3	QL(1 EA daily)
MARPLAN	2	QL(6 EA daily)
<i>phenelzine sulfate</i>	1B	
<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B	
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
SPRAVATO (56 MG DOSE)	4	PA
SPRAVATO (84 MG DOSE)	4	PA
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1B	
<i>citalopram hydrobromide TABS</i>	1B	
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>escitalopram oxalate TABS</i>	1B		<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl CAPS</i>	1A		<i>doxepin hcl CONC</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1B		<i>imipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B		<i>imipramine pamoate</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl TABS</i>	1B		NORPRAMIN TABS 10 MG, 25 MG (<i>desipramine hcl</i>)	2	
<i>fluvoxamine maleate TABS</i>	1B		<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B	
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B		<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B	
<i>paroxetine hcl TABS</i>	1B		<i>protriptyline hcl</i>	1B	
<i>paroxetine hcl TB24</i>	1B		<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B	
<i>sertraline hcl CONC</i>	1B		ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar		
<i>sertraline hcl TABS</i>	1B		Alpha-Glucosidase Inhibitors		
Serotonin Modulators			<i>acarbose</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>nefazodone hcl</i>	1B		<i>miglitol</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>trazodone hcl TABS</i>	1B		Antidiabetic Combinations		
TRINTELLIX	3	QL(1 EA daily); PA	<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 package(s) per 180 day(s) retail	<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B		<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)			<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 EA daily)
<i>desvenlafaxine succinate</i>	1B		<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 EA daily)
<i>duloxetine hcl CPEP</i>	1B		<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
FETZIMA TITRATION C4PK	3	PA	<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
FETZIMA CP24	3	QL(1 EA daily); PA	<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>venlafaxine hcl CP24</i>	1B		<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B		GLYXAMBI	2	QL(1 EA daily)
<i>venlafaxine hcl TB24</i>	1B				
Tricyclic Agents					
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1B				
<i>amoxapine</i>	1B				
<i>clomipramine hcl</i>	1B				
<i>desipramine hcl TABS</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 EA daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 EA daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
SOLIQUA	2	QL(0.5 ML daily); PA
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)
SYNJARDY TABS	2	QL(2 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)
XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(1 EA daily)
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 EA daily)
XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(2 EA daily)
XULTOPHY	2	QL(0.5 ML daily); PA
Biguanides		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1B	QL(2.5 EA daily)
<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 EA daily)
<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
Diabetic Other		
<i>diazoxide</i>	3	
<i>glucagon SOLR IJ 1 MG</i>	1B	QL(0.035 EA daily)
Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 EA daily)
JANUVIA	2	QL(1 EA daily)
<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
Incretin Mimetic Agents		
<i>liraglutide</i>	1B	QL(0.3 ML daily)
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.054 ML daily); PA
OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	2	QL(0.108 ML daily); PA
OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
RYBELSUS TABS	2	QL(1 EA daily); PA
TRULICITY 0.75 MG/0.5ML, 1.5 MG/0.5ML	2	QL(0.15 ML daily); PA
TRULICITY 3 MG/0.5ML, 4.5 MG/0.5ML	2	QL(0.143 ML daily); PA
VICTOZA (<i>liraglutide</i>)	2	QL(0.3 ML daily); PA
Insulin		
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
APIDRA SOLN	3	PA
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ML daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ML daily)
INSULIN ASP PROT & ASP FLEXPEN SUPN	1B	
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1B	
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1B	
INSULIN ASPART PROT & ASPART SUSP	1B	
INSULIN ASPART SOLN IJ	1B	
INSULIN DEGLUDEC FLEXTouch SOPN	2	
INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	
INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN	2	
INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN	2	
INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN	1B	
INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SOPN	1B	
INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUPN	1B	
INSULIN LISPRO SOLN IJ	1B	
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA
LEVEMIR SOLN	3	PA
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN N SUSP	2	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
REZVOGLAR KWIKPEN	3	PA
SEMGLEE (YFGN) SOLN	2	
SEMGLEE (YFGN) SOPN	2	
Insulin Sensitizing Agents		
<i>pioglitazone hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 EA daily)
FARXIGA (<i>dapagliflozin propanediol</i>)	2	QL(1 EA daily)
JARDIANCE	2	QL(1 EA daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>glimepiride 4 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>glipizide TB24</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>glyburide TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Antidotes - Chelating Agents			<i>ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ML daily)
CHEMET	3		<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA	<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 EA daily; 60 EA per fill retail; 60 per fill mail)
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA	<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily)
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA	<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily; 45 EA per fill retail; 45 per fill mail)
Antidotes and Specific Antagonists			<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
VISTOGARD	4	PA	<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
Benzodiazepine Antagonists			<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
<i>flumazenil</i>	1A		Antiemetics - Anticholinergic		
Opioid Antagonists			<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
KLOXXADO LIQD	0		<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>naloxone hcl LIQD</i>	0	RX/OTC	<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>naloxone hcl SOCT</i>	0		<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	0		Antiemetics - Miscellaneous		
<i>naloxone hcl SOSY</i>	0		AKYNZEO	3	PA
<i>naltrexone hcl</i>	1A		<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	QL(4 EA daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
NARCAN LIQD (<i>naloxone hcl</i>)	0	RX/OTC	<i>dronabinol CAPS</i>	1B	
OPVEE NA	2		Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
REXTOVY LIQD	0		<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 EA daily); PA
RIVIVE LIQD	0		<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
VIVITROL	2		<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 EA daily); PA
ZIMHI SOSY	0				
ZURNAI IJ 1.5 MG/0.5ML	2				
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting					
5-HT3 Receptor Antagonists					
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 EA daily); PA			
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B				
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 EA daily)			
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
VARUBI (180 MG DOSE) TBPK	3	PA	<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B	
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections			<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B	
Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors			<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B	
<i>caspofungin acetate</i>	1B		<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B	
ERAXIS	3		<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A	
<i>micafungin sodium</i>	1B	PA	<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B	
Antifungals			<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>amphotericin b IV</i>	3		Antihistamines - Non-Sedating		
<i>amphotericin b liposome</i>	3		<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>flucytosine</i>	1B		<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)	<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B		<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B		<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>nystatin TABS</i>	1B		<i>loratadine CAPS</i>	1B	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>loratadine CHEW</i>	1B	
Imidazole-Related Antifungals			<i>loratadine SOLN</i>	1B	
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA	<i>loratadine TABS</i>	1A	
<i>fluconazole SUSR</i>	1B		<i>loratadine TBDP</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B		Antihistamines - Phenothiazines		
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>promethazine hcl SOLN PO 6.25 MG/5ML, 12.5 MG/10ML</i>	1B	
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ML daily); PA	<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B	
<i>ketoconazole</i>	1B		<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>posaconazole SUSP</i>	3	QL(20 ML daily)	<i>promethazine hcl TABS</i>	1B	
TOLSURA CAPS	4	PA	Antihistamines - Piperidines		
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>cypheptadine hcl SYRP</i>	1B	
ANTI-HISTAMINES - Drugs to Treat Allergies					
Antihistamines - Alkylamines					
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1B				
Antihistamines - Ethanolamines					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B	
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 EA daily)
Bile Acid Sequestrants		
<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 GM daily)
<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 GM daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 EA daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 EA daily)
Fibric Acid Derivatives		
<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 EA daily); PV
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 EA daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 EA daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ML daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ML daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ML daily); PA
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1B	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>enalapril maleate TABS</i>	1B	
<i>fosinopril sodium</i>	1B	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B		<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1B	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B		<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B	
<i>ramipril CAPS</i>	1B		<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B	
Agents for Pheochromocytoma			<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA	<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
Angiotensin II Receptor Antagonists			<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1B	
EDARBI	3	QL(1 EA daily); ST	<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>losartan potassium</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B	
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST
<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)			
Antiadrenergic Antihypertensives					
<i>clonidine hcl TABS</i>	1B	QL(8 EA daily)			
<i>clonidine PTWK</i>	3	QL(0.15 EA daily)			
<i>doxazosin mesylate</i>	1B				
<i>guanfacine hcl</i>	1B				
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 EA daily)			
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)			
<i>terazosin hcl</i>	1B				
Antihypertensive Combinations					
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B				
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST			
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>eplerenone</i>	1B	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
IMPAVIDO	3	QL(3 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>metronidazole TABS 250 MG, 500 MG</i>	1B	
<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 EA daily; 9 EA per 3 day(s) retail; 9 EA per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1B	
<i>meropenem</i>	1B	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily; 40 EA per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ML per fill retail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1B	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B	
CAYSTON	4	QL(3 ML daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
Polymyxins		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1B	
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 EA per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 EA per 30 day(s) retail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days.; QL(5 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimychasthenic/Cholinergic Agents		
<i>FIRDAPSE</i>	4	PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN PO</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
Antimycobacterial Agents		
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1B	
<i>PRIFTIN</i>	3	
<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B	
<i>rifampin SOLR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
SIRTURO	3	PA
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer		
Alkylating Agents		
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	SP; PA
GLEOSTINE 10 MG	4	SP; PA
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA
<i>melphalan</i>	1B	
<i>melphalan hcl IV</i>	1B	
MYLERAN TABS	4	SP; PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA
TEMODAR SOLR	4	SP; PA
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA
ZANOSAR	4	SP; PA
Antimetabolites		
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA
<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA
<i>decitabine</i>	4	SP; PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA	MVASI	4	PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA	ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA	ZIRABEV	4	PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - Antibodies		
<i>mercaptopurine TABS</i>	1B		ADCETRIS	4	SP; PA
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B		ARZERRA	4	SP; PA
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP	LOQTORZI	4	PA
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP	RUXIENCE	4	PA
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA	TRUXIMA	4	PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA	YERVOY	4	SP; PA
<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - Anti-HER2 Agents		
TABLOID	4	SP; PA	KANJINTI	4	PA
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA	OGIVRI	4	PA
Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors			PERJETA	4	SP; PA
INLYTA	4	QL(2 EA daily); SP; PA	TRAZIMERA	4	PA
LENVIMA (10 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	TUKYSA	4	PA
LENVIMA (12 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA	Antineoplastic - EGFR Inhibitors		
LENVIMA (14 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	ERBITUX	4	SP; PA
LENVIMA (18 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA	<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
LENVIMA (20 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	<i>gefitinib</i>	4	QL(2 EA daily); PA
LENVIMA (24 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA	GILOTRIF	4	QL(1 EA daily); PA
LENVIMA (4 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	TAGRISSO 40 MG	4	QL(2 EA daily); PA
LENVIMA (8 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	TAGRISSO 80 MG	4	QL(1 EA daily); PA
			VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA
			VIZIMPRO	4	QL(1 EA daily); PA
			Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors		
			DAURISMO	4	PA
			ERIVEDGE	4	QL(1 EA daily); SP; PA
			ODOMZO	4	QL(1 EA daily); PA
			Antineoplastic - Hormonal and Related Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA	<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	<i>toremifene citrate</i>	1B	
<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 EA daily)	TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
<i>bicalutamide</i>	1B	QL(1 EA daily); SP	VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA	XTANDI CAPS	4	QL(4 EA daily); SP; PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA	XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 EA daily); PA
EMCYT	4	SP; PA	XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 EA daily); PA
ERLEADA 60 MG	4	QL(4 EA daily); PA	YONSA	4	QL(4 EA daily); PA
ERLEADA 240 MG	4	QL(1 EA daily); PA	ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 EA daily); SP; PA
<i>exemestane</i>	4	QL(1 EA daily); SP	ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA
FIRMAGON 80 MG	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA	Antineoplastic - Immunomodulators		
FIRMAGON (240 MG DOSE)	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA	POMALYST	4	QL(1 EA daily); PA
<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ML daily); SP; PA	Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors		
<i>letrozole</i>	1B		AYVAKIT	4	QL(1 EA daily); PA
<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA	AYVAKIT	4	QL(1 EA daily); PA
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA	Antineoplastic - XPO1 Inhibitors		
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA	XPOVIO (100 MG ONCE WEEKLY) 50 MG	4	PA
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 EA daily); SP; PA	XPOVIO (40 MG ONCE WEEKLY) 40 MG	4	PA
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA	XPOVIO (40 MG TWICE WEEKLY) 40 MG	4	PA
LYSODREN	4	SP; PA	XPOVIO (60 MG ONCE WEEKLY) 60 MG	4	PA
<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B		XPOVIO (60 MG TWICE WEEKLY)	4	PA
<i>megestrol acetate TABS</i>	1B		XPOVIO (80 MG ONCE WEEKLY) 40 MG	4	PA
<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 EA daily)	XPOVIO (80 MG TWICE WEEKLY)	4	PA
NUBEQA	4	QL(4 EA daily); PA	Antineoplastic Antibiotics		
ORGOVYX	4	PA	<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA	CALQUENCE	4	QL(2 EA daily); PA
<i>doxorubicin hcl liposomal SUSP</i>	4	SP; PA	CAPRELSA	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA	COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA	COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA	COPIKTRA	4	PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	<i>dasatinib</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML</i>	4	SP; PA	<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	IBRANCE CAPS	4	QL(1 EA daily); PA
Antineoplastic Combinations			IBRANCE TABS	4	QL(1 EA daily); PA
KISQALI FEMARA (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	ICLUSIG	4	QL(1 EA daily); PA
KISQALI FEMARA (400 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA	<i>imatinib mesylate TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
KISQALI FEMARA (600 MG DOSE)	4	QL(3.25 EA daily); PA	IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 EA daily); PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors			IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 EA daily); PA
ALECENSA	4	QL(8 EA daily); PA	IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ML daily); PA
ALUNBRIG TABS	4	QL(1 EA daily); PA	IMBRUVICA TABS	4	QL(1 EA daily); PA
ALUNBRIG TBPk	4	QL(1 EA daily); PA	INREBIC	4	PA
BALVERSA	4	PA	JAKAFI	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA	KISQALI (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA	KISQALI (400 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 EA daily); PA	KISQALI (600 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA
BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 EA daily); SP; PA	KOSELUGO	4	PA
BRAFTOVI 75 MG	4	QL(6 EA daily); SP; PA	KYPROLIS	4	PA
BRUKINSA	4	PA	<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
CABOMETYX TABS	4	QL(1 EA daily); PA	LORBRENA	4	QL(1 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
LUMAKRAS 320 MG	3	QL(3 EA daily); PA	STIVARGA	4	QL(4 EA daily); SP; PA
LUMAKRAS 120 MG, 240 MG	3	QL(2 EA daily); PA	<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
LYNPARZA TABS	4	QL(4 EA daily); PA	<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 EA daily); PA	TABRECTA	4	QL(4 EA daily); PA
MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 EA daily); PA	TAFINLAR CAPS	4	QL(4 EA daily); PA
MEKTOVI	4	QL(6 EA daily); SP; PA	TALZENNA	4	QL(1 EA daily); PA
<i>nilotinib hcl 150 MG, 200 MG</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	TALZENNA	4	QL(1 EA daily); PA
<i>nilotinib hcl 50 MG</i>	4	QL(4 EA daily); PA	TASIGNA 150 MG, 200 MG (<i>nilotinib hcl</i>)	4	QL(4 EA daily); SP; PA
NINLARO	4	QL(0.143 EA daily); PA	TASIGNA 50 MG (<i>nilotinib hcl</i>)	4	QL(4 EA daily); PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	TAZVERIK	4	PA
PEMAZYRE	4	QL(1 EA daily); PA	<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ML daily); SP; PA
PHYRAGO 20 MG, 50 MG, 70 MG, 80 MG, 100 MG, 140 MG	4	QL(1 EA daily); SP; PA	TIBSOVO	4	PA
PIQRAY (200 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	TURALIO 125 MG	4	PA
PIQRAY (250 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	VERZENIO	4	QL(2 EA daily); PA
PIQRAY (300 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	VITRAKVI CAPS	4	PA
QINLOCK	4	PA	VITRAKVI SOLN	4	PA
RETEVMO CAPS	4	PA	XALKORI CAPS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA	XOSPATA	4	PA
ROZLYTREK CAPS	4	PA	ZEJULA CAPS	4	QL(3 EA daily); PA
RUBRACA	4	QL(4 EA daily); PA	ZEJULA TABS 100 MG	4	QL(3 EA daily); PA
SCEMBLIX 20 MG, 40 MG	4	QL(2 EA daily); PA	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	4	QL(1 EA daily); PA
SCEMBLIX 100 MG	4	QL(4 EA daily); PA	ZELBORAF	4	QL(8 EA daily); SP; PA
<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	ZOLINZA	4	QL(4 EA daily); SP; PA
SPRYCEL (<i>dasatinib</i>)	4	QL(1 EA daily); SP; PA	ZYDELIG	4	QL(2 EA daily); PA
			Antineoplastic Enzymes		
			ONCASPAR	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antineoplastics Misc.			<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA	<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>bexarotene</i>	4	SP; PA	Topoisomerase I Inhibitors		
<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA	HYCANTIN CAPS	4	SP; PA
<i>hydroxyurea</i>	1B		<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
MATULANE	4	SP; PA	<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	SP; PA
NIPENT	4	SP; PA	ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
PHOTOFRIN	4	SP; PA	Antiparkinson Adjunctive Therapy		
PROLEUKIN	4	SP; PA	<i>carbidopa</i>	1B	
SYNRIBO	4	SP; PA	Antiparkinson Anticholinergics		
<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B		<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1B	
UVADEX	4	SP; PA	<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B	
Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents			<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B	
<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B		<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B	
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B		Antiparkinson COMT Inhibitors		
VORAXAZE	4	SP; PA	<i>entacapone</i>	1B	QL(8 EA daily)
Mitotic Inhibitors			<i>tolcapone</i>	1B	
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA	Antiparkinson Dopaminergics		
<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA	<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B	
<i>eribulin mesylate</i>	4	SP; PA	<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B	
ETOPOPHOS	4	SP; PA	<i>amantadine hcl TABS</i>	1B	
<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA	<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	SP; PA	<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B	
HALAVEN (<i>eribulin mesylate</i>)	4	SP; PA	<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B	
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
JEVTANA	4	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B	
<i>paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B		<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B		Benzisoxazoles		
NEUPRO	2		FANAPT	2	QL(2 EA daily); PA
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B		FANAPT TITRATION PACK A	2	PA
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>paliperidone</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B		PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 EA daily); PA
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); ST	<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 EA daily); PA
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST	<i>risperidone SOLN</i>	1B	
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors			<i>risperidone TABS</i>	1B	
<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 EA daily); PA	<i>risperidone TBDP</i>	1B	
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B		Butyrophenones		
<i>selegiline hcl TABS</i>	1B		<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ML daily)
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders			<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B	
Antimanic Agents			<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B	
<i>lithium</i>	1B		<i>haloperidol TABS 0.5 MG, 1 MG, 2 MG, 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B		<i>haloperidol TABS 20 MG</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>lithium carbonate TABS</i>	1B		Dibenzapines		
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B		<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
Antipsychotics - Misc.			<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
EQUETRO 200 MG	3	QL(8 EA daily); ST	<i>clozapine TABS 100 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
EQUETRO 100 MG	3	QL(2 EA daily); ST	<i>clozapine TABS 200 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
EQUETRO 300 MG	3	QL(4 EA daily); ST	<i>clozapine TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>clozapine TBDP 200 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
			<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
			<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
			<i>loxapine succinate</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 EA daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG</i>	1B	AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TB24</i>	1B	
Phenothiazines		
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B	QL(8 ML daily)
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B	QL(78.9 ML daily)
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>perphenazine TABS</i>	1B	
<i>prochlorperazine</i>	1B	
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B	
<i>thioridazine hcl</i>	1B	
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B	
Quinolinone Derivatives		
<i>aripiprazole SOLN PO</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
REXULTI	3	PA
Thioxanthenes		
<i>thiothixene</i>	1B	
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections		
Antiretrovirals		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ML daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
APRETUDE	3	
APTIVUS CAPS	3	QL(4 EA daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
BIKTARVY	3	QL(1 EA daily)
CIMDUO	3	QL(1 EA daily); ST
COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG (<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>)	3	QL(1 EA daily)
<i>darunavir TABS 600 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>darunavir TABS 800 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
DELSTRIGO	3	QL(1 EA daily)
DESCOVY	3	
DOVATO	3	QL(1 EA daily)
EDURANT	3	QL(1 EA daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i> 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG	1B	QL(1 EA daily)	PREZCOBIX	3	QL(1 EA daily)
EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ML daily)	PREZISTA SUSP	3	QL(12 ML daily)
<i>etravirine</i> 100 MG	1B	QL(4 EA daily)	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	QL(2 EA daily)
<i>etravirine</i> 200 MG	1B	QL(2 EA daily)	RETROVIR SOLN	3	
EVOTAZ	3	QL(1 EA daily)	<i>ritonavir</i> TABS	1B	QL(12 EA daily)
<i>fosamprenavir calcium</i> TABS	1B	QL(4 EA daily)	SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ML daily)
FUZEON SOLR	4	SP; PA	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 EA daily)
GENVOYA	3	QL(1 EA daily)	STRIBILD	3	QL(1 EA daily)
INTELENCE 25 MG	3	QL(8 EA daily)	<i>tenofovir disoproxil fumarate</i> TABS	1B	
ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 EA daily)	TIVICAY TABS	3	QL(2 EA daily)
ISENTRESS CHEW	3	QL(6 EA daily)	TRIUMEQ TABS	3	QL(1 EA daily)
ISENTRESS TABS	3	QL(2 EA daily)	TRIZIVIR	3	QL(2 EA daily)
JULUCA	3	QL(1 EA daily)	TYBOST	3	QL(1 EA daily)
KALETRA SOLN	2	QL(12.5 ML daily)	VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 EA daily)
<i>lamivudine</i> SOLN	1B	QL(30 ML daily)	VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 EA daily)
<i>lamivudine</i> TABS 150 MG	1B	QL(2 EA daily)	VIREAD POWD	3	QL(7.5 GM daily)
<i>lamivudine</i> TABS 300 MG	1B	QL(1 EA daily)	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 EA daily)
<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>zidovudine</i> CAPS	1B	QL(6 EA daily)
LEXIVA SUSP	3	QL(56 ML daily)	<i>zidovudine</i> SYRP	1B	QL(60 ML daily)
<i>lopinavir-ritonavir</i> SOLN	1B	QL(12.5 ML daily)	<i>zidovudine</i> TABS	1B	QL(2 EA daily)
<i>lopinavir-ritonavir</i> TABS	1B	QL(4 EA daily)	CMV Agents		
<i>maraviroc</i> TABS 150 MG	1B	QL(2 EA daily)	<i>cidofovir</i>	3	
<i>maraviroc</i> TABS 300 MG	1B	QL(4 EA daily)	<i>ganciclovir sodium</i> SOLR	1B	
<i>nevirapine</i> SUSP	1B	QL(40 ML daily)	<i>valganciclovir hcl</i> TABS	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>nevirapine</i> TABS	1B	QL(2 EA daily)	Hepatitis Agents		
<i>nevirapine</i> TB24 400 MG	1B	QL(1 EA daily)	<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
NORVIR CAPS	2	QL(12 EA daily)	<i>entecavir</i> TABS	4	QL(1 EA daily); SP; PA
NORVIR PACK	3	QL(12 EA daily)	<i>lamivudine (hbv)</i> TABS	1B	QL(3 EA daily); SP
ODEFSEY	3	QL(1 EA daily)			
PIFELTRO	3	QL(1 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
MAVYRET TABS	4	QL(3 EA daily); PA	<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ML daily); SP; PA	RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA	<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 EA daily)	BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 EA daily)	Alpha-Beta Blockers		
SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	1B	QL(1 EA daily); PA	<i>carvedilol</i>	1B	
SOVALDI TABS 400 MG	4	QL(1 EA daily); SP; PA	<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 EA daily)
VEMLIDY	4	QL(1 EA daily); SP; PA	<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
VOSEVI	4	QL(1 EA daily); PA	<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
ZEPATIER	4	QL(1 EA daily); PA	<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
Herpes Agents			Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 EA daily; 50 EA per fill retail; 50 per fill mail)	<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B	
<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ML daily)	<i>atenolol TABS</i>	1B	
<i>acyclovir TABS PO</i>	1B	QL(5 EA daily)	<i>betaxolol hcl</i>	1B	
<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>bisoprolol fumarate</i>	1B	
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>valacyclovir hcl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	
Influenza Agents			<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 EA per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
			<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 EA daily)
			Beta Blockers Non-Selective		
			HEMANGEOL SOLN PO	4	QL(75 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B		<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>pindolol TABS</i>	1B		<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>nisoldipine</i>	1B	
<i>propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B		<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B		<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>sotalol hcl (afib/afl)</i>	1B		<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B		<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	
<i>timolol maleate TABS</i>	1B		CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure			Cardiac Glycosides		
Calcium Channel Blockers			<i>digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B		<i>digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>LANOXIN SOLN IJ (digoxin)</i>	2	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B		<i>LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)</i>	2	
<i>diltiazem hcl extended release beads</i>	1B		CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 EA daily)	Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B		<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B		<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
<i>DILTIAZEM HCL SOLR</i>	1B		<i>sacubitril-valsartan TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B		Impotence Agents		
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B		<i>avanafil</i>	1B	QL(0.134 EA daily)
<i>felodipine</i>	1B		<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 EA daily); PA
<i>isradipine CAPS</i>	1B				
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B				
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B				
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B				
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
STENDRA (<i>avanafil</i>)	3	QL(0.134 EA daily)	Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 EA daily); PA	UPTRAVI TITRATION TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
Prostaglandin Vasodilators			UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 EA daily); PA
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA	UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA	Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA	ADEMPAS	4	QL(3 EA daily); PA
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA	Sinus Node Inhibitors		
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA	<i>ivabradine hcl TABS</i>	3	QL(2 EA daily); PA
TYVASO SOLN IN	4	PA	Transthyretin Stabilizers		
VENTAVIS IN 10 MCG/ML	4	SP; PA	VYNDAMAX	4	QL(1 EA daily); PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists			VYNDAQEL	4	QL(4 EA daily); PA
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA	Cephalosporins - 1st Generation		
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA	<i>cefadroxil CAPS</i>	1B	
<i>bosentan TBSO 32 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA	<i>cefadroxil SUSR</i>	1B	
OPSUMIT	4	QL(1 EA daily); PA	<i>cefadroxil TABS</i>	1B	
TRACLEER TBSO 32 MG (<i>bosentan</i>)	4	QL(2 EA daily); SP; PA	<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors			<i>cephalexin CAPS</i>	1B	
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ML daily); SP; PA	<i>cephalexin SUSR</i>	1B	
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ML daily); PA	Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA	<i>cefaclor CAPS</i>	1B	
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA	<i>cefaclor SUSR 250 MG/5ML</i>	1B	
			<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B		<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0	
<i>cefprozil SUSR</i>	1B		<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0	
<i>cefprozil TABS</i>	1B		FEMLYV TBDP	0	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B		<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS</i>	0	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B		<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
Cephalosporins - 3rd Generation			<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>cefdinir CAPS</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
<i>cefdinir SUSR</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
<i>cefixime CAPS</i>	1B		LO LOESTRIN FE TABS	0	
<i>cefixime SUSR</i>	1B	ST	NATAZIA	0	
<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B		NEXTSTELLIS	0	
<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B		<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B		<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0	
<i>ceftriaxone sodium IJ 250 MG</i>	1A		<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG</i>	1B		<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0	
Cephalosporins - 4th Generation			<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B		<i>norethindrone acet & eth estra TABS</i>	0	
Cephalosporins - 5th Generation			<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
TEFLARO	3		<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy			<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
Combination Contraceptives - Oral			<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
AVERI TABS PO	0				
<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0				
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0				
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0				
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0		DEPO-MEDROL SUSP	3	
TYBLUME CHEW	0		DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B	
Combination Contraceptives - Transdermal			<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1B	
<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0		<i>dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML</i>	1B	
TWIRLA	0	QL(3 EA per 28 day(s) retail)	<i>dexamethasone ELIX</i>	1B	
Combination Contraceptives - Vaginal			<i>dexamethasone SOLN</i>	1B	
ANNOVERA	0		<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 EA daily)	<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	
Emergency Contraceptives			EMFLAZA SUSP (deflazacort)	4	PA
ELLA	0		<i>hydrocortisone sod succinate 100 MG</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0		<i>hydrocortisone TABS</i>	1B	
Progestin Contraceptives - Injectable			MEDROL TABS	3	
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0		<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ML per 90 day(s) retail)	<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ML per 90 day(s) retail)	<i>methylprednisolone TABS</i>	1B	
Progestin Contraceptives - Oral			<i>methylprednisolone TBPK</i>	1B	
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0		<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
OPILL	0		<i>prednisolone sodium phosphate TBDP</i>	3	
SLYND	0	QL(1 EA daily)	<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions			<i>prednisolone TABS</i>	1B	
Glucocorticosteroids			<i>prednisone SOLN</i>	1B	
<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
CORTISONE ACETATE TABS	1B				
<i>deflazacort SUSP</i>	4	PA			
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A		<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>prednisone TBPk</i>	1B		<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
SOLU-CORTEF 250 MG	3		<i>adapalene GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
SOLU-CORTEF (hydrocortisone sod succinate)	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail	AZELEX	3	QL(50 GM per 30 day(s) retail; 50 GM per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
SOLU-MEDROL 2 GM	3		BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML</i>	1B		<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
Mineralocorticoids			<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B		<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms			<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old)
Antitussives			<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 ML daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
Cough/Cold/Allergy Combinations			<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1B		<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
Misc. Respiratory Inhalants			<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
HYPERSAL NEBU	1B				
NEBUSAL NEBU	1B				
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B				
Mucolytics					
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B				
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions					
Acne Products					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	ALTABAX	2	QL(15 GM per 30 day(s) retail; 15 GM per 30 days mail)
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B	
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	NEO-SYNALAR	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail); PA
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA	Antifungals - Topical		
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)	<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 GM daily)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ML daily)
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA	<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 GM daily); RX/OTC
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)	<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)	<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 GM daily)
Agents for External Genital and Perianal Warts			<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B	
VEREGEN	3	QL(1 GM daily)	<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 GM per fill retail; 85 per fill mail)
Antibiotics - Topical			ERTACZO	3	QL(2.15 GM daily)
			<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
			<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ML daily)
			<i>luliconazole</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	QL(2 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ML daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B	
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>tavaborole</i>	1B	PA
Anti-inflammatory Agents - Topical		
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); RX/OTC
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical		
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
PANRETIN	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail)
Antipruritics - Topical		
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; QL(45 GM per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
Antipsoriatics		
<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 GM daily); PA
<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 GM daily); PA
<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); PA
<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 GM daily)
COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA
COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ML daily); PA
<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 EA daily)
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ML daily); PA
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ML daily); PA
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1B	QL(1 GM daily)
TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
Antiseborrheic Products		
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B	
Antivirals - Topical		
<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 GM daily)
Burn Products		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>mafenide acetate PACK</i>	3	
<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 GM daily)
SULFAMYLON CREA	3	
Corticosteroids - Topical		
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>amcinonide CREA</i>	1B	QL(60 GM per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
<i>amcinonide LOTN</i>	3	
<i>amcinonide OINT</i>	3	
<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B	
<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 GM daily)
<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 GM daily)
<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ML daily)
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST	<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST	<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA	<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 GM daily); PA	<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 GM daily); ST	<i>fluocinonide CREA 0.1 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 GM daily); ST	<i>fluocinonide GEL</i>	1B	
<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA	<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ML daily); PA	<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 GM daily)	<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 GM daily)
CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 package(s) per 30 day(s) mail	<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ML daily)
<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ML daily)	<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA	HALOG OINT	3	PA
<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B		<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC
			<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
			<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
			<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B		Immunomodulating Agents - Topical		
<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B		<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail)
<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)	Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)	<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 GM daily)	Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 GM daily)	<i>podofilox SOLN</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)	Local Anesthetics - Topical		
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B		<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 GM daily); RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ML daily)	<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 GM daily)	<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)	<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)
Eczema Agents			<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA	Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA	EUCRISA	3	QL(2 GM daily); PA
DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA	Rosacea Agents		
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA	<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 GM daily)
Emollients			<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 GM daily); PA
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 GM daily); RX/OTC	<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC	<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 GM daily)
Enzymes - Topical			<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 GM daily)
SANTYL OINT	3	PA	<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
			Scabicides & Pediculicides		
			<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
			<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>malathion</i>	1B	
<i>permethrin CREA</i>	1B	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 EA daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP K STRP	1B	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST	1B	
FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON	1B	
GOJJI BLOOD KETONE TEST	1B	
KETONE TEST STRP	1B	
KETOSTIX STRP	1B	
NOVA MAX PLUS KETONE TEST	1B	
PRECISION XTRA KETONE	1B	
RELION KETONE TEST STRP	1B	
RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 EA daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1B	QL(3.34 EA daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 EA daily); RX/OTC
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes		
Digestive Enzymes		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
Carbonic Anhydrase Inhibitors		
<i>acetazolamide sodium</i>	1B	
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 EA daily); PA
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 EA daily)
Diuretic Combinations		
<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1B	
Loop Diuretics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B		<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 EA daily)
<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 EA daily)	<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 EA daily)	PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
<i>furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML</i>	1B		PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA
<i>furosemide TABS</i>	1B		<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 EA daily); PA
<i>torsemide TABS</i>	1B		<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Potassium Sparing Diuretics			<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
<i>amiloride hcl TABS</i>	1B		<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>spironolactone TABS</i>	1B		<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ML daily); SP; PA
<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)	TYMLOS	4	PA
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics			XGEVA SOLN	4	SP; PA
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1B		<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	Corticotropin		
<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)	ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	3	PA
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	ACTHAR GEL	3	PA
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	Fertility Regulators		
<i>metolazone</i>	1B	QL(2 EA daily)	CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	SP; PA
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.			NOVAREL IM 10000 UNIT	4	SP; PA
- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones			PREGNYL IM	4	SP; PA
Bone Density Regulators			GnRH/LHRH Antagonists		
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily)	<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	ORILISSA	2	PA
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ML daily)	Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)		
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 EA daily); PA	EGRIFTA SV	4	PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA	Growth Hormones		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
GENOTROPIN MINIQUEL PRSY	4	PA	<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA	<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA	<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
NORDITROPIN FLEXPOR SOPN 30 MG/3ML	4	PA	PHEBURANE PLLT	4	PA
NORDITROPIN FLEXPOR SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA	<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
ZORBTIVE SC	4	SP; PA	<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
Hormone Receptor Modulators			<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
OSPHENA	3	PA	<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 EA daily)	STRENSIQ	4	PA
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)			Posterior Pituitary Hormones		
INCRELEX	4	SP; PA	<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants			<i>desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %</i>	1B	
FENSOLVI (6 MONTH) SC	4	SP; PA	<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA	<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA	<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
SYNAREL	4	SP; PA	Progesterone Receptor Antagonists		
Metabolic Modifiers			<i>mifepristone</i>	0	QL(3 EA per 30 day(s) retail)
ALDURAZYME	4	SP; PA	Prolactin Inhibitors		
<i>betaine</i>	4	SP; PA	<i>cabergoline</i>	1B	
<i>calcitriol CAPS</i>	1B		Somatostatic Agents		
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B		<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	SIGNIFOR	4	PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B		Vasopressin Receptor Antagonists		
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B		JYNARQUE TBPK 15 MG (<i>tolvaptan</i>)	4	SP; PA
ELAPRASE	4	SP; PA	<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
LUMIZYME	4	SP; PA			
MYALEPT	4	PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tolvaptan TBPK 15 MG</i>	4	SP; PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
BIJUVA	3	PA
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 EA daily)
Estrogens		
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	3	
<i>estradiol GEL</i>	1B	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.572 EA daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS</i>	1B	
ESTROGEL GEL (<i>estradiol</i>)	3	
<i>estrogens, conjugated TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
EVAMIST SOLN	3	
MENEST 2.5 MG	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG (<i>estrogens, conjugated</i>)	2	QL(1 EA daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML</i>	3	
<i>levofloxacin in d5w 500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN PO</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
5-HT4 Receptor Agonists		
MOTEGRITY (<i>prucalopride succinate</i>)	3	QL(1 EA daily); PA
<i>prucalopride succinate</i>	1B	QL(1 EA daily)
Agents for Chronic Idiopathic Constipation (CIC)		
TRULANCE	2	QL(1 EA daily)
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
CHOLBAM	4	SP; PA
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 EA daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ML daily)	LINZESS	2	QL(1 EA daily)
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 EA daily)	Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
Inflammatory Bowel Agents			<i>alvimopan</i>	1B	
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 EA daily)	MOVANTIK	3	QL(1 EA daily); PA
DIPENTUM	2		Phosphate Binder Agents		
INFLECTRA SOLR	4	PA	<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>mesalamine CP24</i>	1B	PA	<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>mesalamine CPDR</i>	1B		<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
<i>mesalamine ENEM</i>	3		<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>mesalamine SUPP</i>	3		<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 EA daily)	GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3		Alkalinizers		
RENFLEXIS	4	PA	<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR</i>	1B	
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ML daily); PA	<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ML daily); PA	Cystinosis Agents		
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA	CYSTAGON CAPS	3	PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B		Genitourinary Irrigants		
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B		<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
TREMFYA PEN SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA	<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.143 ML daily); PA	<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
TREMFYA SOLN IV	4	QL(0.72 ML daily); PA	SORBITOL 3 %	1B	
TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA	SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	1B	
Intestinal Acidifiers			Interstitial Cystitis Agents		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B		ELMIRON CAPS	2	QL(3 EA daily)
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents					
<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	3	PA
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl</i> TABS 100 MG, 200 MG	1B	
Urinary Stone Agents		
THIOLA EC TBEC 100 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(3 EA daily); PA
THIOLA EC TBEC 300 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(10 EA daily); PA
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 EA daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 EA daily); PA
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>colchicine TABS</i>	1B	
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Antihemophilic Products		
ADVATE	4	PA
ADYNOVATE	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	4	PA
ALPROLIX	4	PA
ALTUVIIIO 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT, 4000 UNIT	4	PA
BENEFIX KIT	4	PA
ELOCTATE	4	PA
ESPEROCT 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT	4	PA
IDELVION	4	PA
JIVI 500 UNIT, 1000 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT	4	PA
KOGENATE FS KIT	4	PA
KOVALTRY	4	PA
NOVOEIGHT	4	PA
XYNTHA	4	PA
XYNTHA SOLOFUSE	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ML daily); PA
Complement Inhibitors		
GOHIBIC	4	PA
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hemataologic - Tyrosine Kinase Inhibitors		
TAVALISSE	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 EA daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>anagrelide hcl</i>	1B		ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	DOPTelet	4	QL(3 EA daily); PA
BRILINTA 60 MG, 90 MG (<i>ticagrelor</i>)	2	QL(2 EA daily)	<i>eltrombopag olamine</i> PACK 12.5 MG, 25 MG	4	QL(1 EA daily); PA
<i>cilostazol</i>	1B		<i>eltrombopag olamine</i> TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG	4	QL(1 EA daily); PA
<i>clopidogrel bisulfate</i> 75 MG	1B	QL(1 EA daily)	EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
<i>clopidogrel bisulfate</i> 300 MG	1B		LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
<i>dipyridamole</i>	1B		MIRCERA	4	PA
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)	MULPLETA	4	QL(1 EA daily); PA
<i>ticagrelor</i> 60 MG, 90 MG	1B	QL(2 EA daily)	NYVEPRIA	4	PA
ZONTIVITY	3	PA	PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders			PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA
Agents for Gaucher Disease			PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
CERDELGA	4	QL(2 EA daily); PA	PROMACTA PACK 12.5 MG, 25 MG (<i>eltrombopag olamine</i>)	4	QL(1 EA daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA	PROMACTA TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG (<i>eltrombopag olamine</i>)	4	QL(1 EA daily); PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA	RETACRIT	4	PA
Agents for Sickle Cell Disease			UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
DROXIA CAPS	3		UDENYCA SOAJ	4	PA
Cobalamins			UDENYCA SOSY	4	PA
<i>cyanocobalamin SOLN IJ</i> 1000 MCG/ML	1B	QL(1 ML daily)	ZARXIO	4	PA
Folic Acid/Folates					
<i>folic acid</i> TABS	0				
Hematopoietic Growth Factors					
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML	4	SP; PA			
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Hematopoietic Mixtures		
HEMATINIC/FOLIC ACID	1B	QL(1 EA daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 325 MG, 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
Stem Cell Mobilizers		
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1B	
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>triazolam</i>	1B	
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 EA daily)
Orexin Receptor Antagonists		
BELSOMRA	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
Surfactant Laxatives		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing		
Local Anesthetics - Amides		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1B	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SOLR</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 EA per fill retail; 6 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 EA per fill retail; 4 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 EA daily)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3	
Fidaxomicin		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
DIFICID TABS 200 MG (<i>fidaxomicin</i>)	2	
<i>fidaxomicin TABS 200 MG</i>	1B	
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES		
Contraceptives		
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
CAYA DPRH	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 EA daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0	QL(2 EA daily)
DUREX TROPICAL MISC	0	QL(2 EA daily)
FANTASY LUBRICATED/SPERMICI DE MISC	0	QL(2 EA daily)
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
FEMCAP DEVI	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 EA daily)
KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO MICRO THIN PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO PS PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO PS MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO SENSATION PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO SENSATION MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
KIMONO MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICI DE MISC	0	QL(2 EA daily)
K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 EA daily)
MAXX PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)
MAXX MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
OMNIFLEX DIAPHRAGM	0		TRUSTEX-NONOXYNOL-9/RIB/STUD MISC	0	QL(2 EA daily)
REALITY LATEX CONDOMS MISC	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	0	
REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	0	
REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	0	
TROJAN BARESKIN DEVI	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	0	
TROJAN MAGNUM MISC	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	0	
TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	0	
TROJAN ULTRA THIN MISC	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	0	
TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	0	
TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 EA daily)	Diabetic Supplies		
TRUE COVER DEVI	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDDERED MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 2 READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	0	QL(2 EA daily)			
TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	0	QL(2 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA	EMGALITY SOSY	2	QL(0.07 ML daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3 READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA	UBRELVY	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); ST
FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA	Migraine Combinations		
FREESTYLE LIBRE READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA	<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 EA daily)
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	1B	RX/OTC	<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 10 EA per 30 days mail)
RELION LANCET DEVICES 30G	1B	RX/OTC	Migraine Products		
RELION LANCETS	1B	RX/OTC	<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	
SELECT LANCETS	1B	6.66/day	ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 EA daily)
TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN	1B		Serotonin Agonists		
Parenteral Therapy Supplies			<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC	<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
EMBECTA AUTOSHIELD DUO	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC	<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
EMBECTA PEN NEEDLE NANO	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC	<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC	IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ 4 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC	<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day	<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches					
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag					
AIMOVIG	2	QL(0.04 ML daily); PA			
EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY	2	QL(0.1 ML daily); PA			
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ML daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B	
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	Electrolyte Mixtures		
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>dextrose in lactated ringers</i>	1B	
<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>electrolyte-148</i>	1B	
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>electrolyte-a</i>	1B	
<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)	IONOSOL-MB IN D5W	1B	
<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)	ISOLYTE-P IN D5W	1B	
<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)	ISOLYTE-S	1B	
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1B	
<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	KCL-LACTATED RINGERS-D5W	1B	
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>lactated ringer's</i>	1B	
MINERALS & ELECTROLYTES			NORMOSOL-M IN D5W	1B	
Bicarbonates			NORMOSOL-R PH 7.4	1B	
<i>sodium acetate SOLN</i>	1B		PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L	1B	
SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1B		PLASMA-LYTE A (<i>electrolyte-a</i>)	1B	
Calcium			<i>potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L</i>	1B	
			<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
			<i>potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ringer's</i>	1B		<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
Fluoride			<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>sodium fluoride CHEW</i>	0	QL(1 EA daily)	THALOMID	4	QL(3 EA daily); SP; PA
Magnesium			Immunosuppressive Agents		
<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1B		ATGAM	4	SP; PA
Phosphate			AZATHIOPRINE SODIUM	1B	
<i>potassium phosphates 45 MMOLE/15ML</i>	1B		<i>azathioprine TABS</i>	1B	
Potassium			<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B	
<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B		<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B	
<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B		<i>cyclosporine CAPS</i>	1B	
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B		<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
<i>potassium chloride CPCR</i>	1B		ENSPRYNG	4	PA
<i>potassium chloride PACK PO 20 MEQ</i>	1B	PA	<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 EA daily); SP; PA
<i>potassium chloride SOLN PO 10 %, 10 %</i>	1B		<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 EA daily); PA
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1B		<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ</i>	1B		<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
Sodium			<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1B		NULOJIX	4	SP; PA
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES			PROGRAF PACK	2	PA
Chelating Agents			PROGRAF SOLN	2	
<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA	SIMULECT	3	
<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 EA daily)	<i>sirolimus TABS</i>	1B	
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 EA daily); SP; PA	<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	
Immunomodulators			<i>tacrolimus SOLN 5 MG/ML</i>	1B	
			THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
			Irrigation Solutions		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
<i>ringer's irrigation</i>	1B	
<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
Potassium Removing Agents		
LOKELMA	3	QL(1 EA daily); PA
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML</i>	1B	
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
Anesthetics Topical Oral		
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B	
Anti-infectives - Throat		
<i>clotrimazole</i>	1B	
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B	
Antiseptics - Mouth/Throat		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B	
DEBACTEROL	2	
Dental Products		
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC
Steroids - Mouth/Throat/Dental		
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B	
Throat Products - Misc.		
<i>cevimeline hcl</i>	1B	
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B	
MULTIVITAMINS		
Ped MV w/ Fluoride		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC
Prenatal Vitamins		
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 EA daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 EA daily)
FT PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS	2	QL(1 EA daily)
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)
MASONATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
NEONATAL PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 EA daily)
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
ONE VITE WOMENS PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
ONE VITE WOMENS TABS	2	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 EA daily)
PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily)
PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
PRENATRIX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
PRENATRYL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)
QC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)
THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
TRICARE TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
VITATHELY WITH GINGER TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Central Muscle Relaxants		
<i>baclofen TABS</i>	1B	
<i>carisoprodol TABS</i>	1B	
<i>chlorzoxazone TABS 750 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ML daily)
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal)</i>	1B	1 package(s) per fill retail
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ML per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 GM daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
NUTRIENTS		
Proteins		
CLINIMIX E/DEXTROSE (5/20)	3	
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10)	3	
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5)	3	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics		
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
Miotics		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B	
Ophthalmic Adrenergic Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>apraclonidine hcl</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B	
IOPIDINE	3	
Ophthalmic Anti-infectives		
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B	
NATACYN	2	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B	
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>trifluridine</i>	1B	
ZIRGAN GEL	2	
Ophthalmic Immunomodulators		
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
Ophthalmic Local Anesthetics		
<i>proparacaine hcl</i>	1B	
Ophthalmic Steroids		
ALREX SUSP (<i>loteprednol etabonate</i>)	3	PA
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ML daily)
<i>difluprednate</i>	1B	PA
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FML FORTE SUSP	3	PA
LOTEMAX OINT	3	PA
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA
MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1B	
<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP 0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML, 0.1 %</i>	1B	
<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
PRED MILD	3	PA
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
ZYLET	3	PA
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ML daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ML daily); ST
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ML daily)
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	3	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>tafluprost</i>	1B	
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ML daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetamide</i>	1B	QL(0.5 EA daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetamide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Immune Serums		
GAMMAGARD 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAGARD 30 GM/300ML	4	PA
GAMMAGARD S/D LESS IGA SOLR	4	SP; PA
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C	4	SP; PA
Monoclonal Antibodies		
BEYFORTUS	0	
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
<i>penicillin g sodium</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B	
<i>ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM</i>	1B	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>naftillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1B	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>acamprosate calcium</i>	1A		AUSTEDO XR TB24	4	QL(1 EA daily); PA
<i>disulfiram</i>	1A		AUSTEDO TABS	4	QL(4 EA daily); PA
<i>lofexidine hcl</i>	1A		INGREZZA CAPS	4	QL(1 EA daily); PA
LUCEMYRA (<i>lofexidine hcl</i>)	2		INGREZZA CPPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
Antidementia Agents			INGREZZA CPSP	4	QL(1 EA daily); PA
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	Multiple Sclerosis Agents		
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	AVONEX PREFILLED PSKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)	BETASERON KIT	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ML daily)	<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B		<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 EA daily)
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B		<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	4	QL(1 ML daily)
Combination Psychotherapeutics			<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	4	QL(0.43 ML daily)
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B		LEMTRADA	4	QL(1.2 ML daily); PA
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 EA daily)	PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
Fibromyalgia Agents			PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA	PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 EA daily); PA	PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA
Movement Disorder Drug Therapy			REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
AUSTEDO XR PATIENT TITRATION TEPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 EA daily)
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUDEXTA	3	QL(2 EA daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
<i>pimozide</i>	1B	
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	
NICODERM CQ PT24 TD (<i>nicotine</i>)	2	
NICORETTE MINI LOZG (<i>nicotine polacrilex</i>)	2	
NICORETTE STARTER KIT GUM (<i>nicotine polacrilex</i>)	2	
NICORETTE GUM (<i>nicotine polacrilex</i>)	2	
NICORETTE LOZG (<i>nicotine polacrilex</i>)	2	
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE KIT	0	
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	
NICOTROL NS SOLN	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
NICOTROL INHA	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	
<i>varenicline tartrate TBPk</i>	0	
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
PROLASTIN-C SOLR	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ORKAMBI PACK	4	QL(2 EA daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 EA daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ML daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPk	4	QL(3 EA daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 EA daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 EA daily); PA
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Glycylcyclines		
<i>tigecycline</i>	1B	
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B		Toxoid Combinations		
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	ADACEL SUSP	0	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	0	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG</i>	1B		BOOSTRIX SUSP	0	
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)	BOOSTRIX SUSY	0	
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1B		DAPTACEL	0	
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	INFANRIX	0	
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)	KINRIX SUSY	0	
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)	PEDIARIX SUSY	0	
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 EA daily)	PENTACEL	0	
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones			QUADRACEL SUSP	0	
Antithyroid Agents			QUADRACEL SUSY	0	
<i>methimazole TABS</i>	1B		TDVAX SUSP	0	
<i>propylthiouracil</i>	1B		TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU	0	
Thyroid Hormones			TETANUS-DIPHTHERIA TOXOIDS TD SUSP	0	
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2		VAXELIS SUSP	0	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 EA daily)	VAXELIS SUSY	0	
EVEXITHROID TABS 180 MG	2	QL(1 EA daily)	ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1B		Antispasmodics		
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B		<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B		<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B	
NP THYROID TABS	1B	QL(1 EA daily)	<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B	
SYNTHROID TABS (<i>levothyroxine sodium</i>)	2		<i>dicyclomine hcl SOLN PO</i>	1B	
TOXOIDS			<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B	
			<i>glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML</i>	1B	
			<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
			<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B	
			<i>methscopolamine bromide</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine hcl PO 300 MG/5ML</i>	1B	QL(20 ML daily)
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B	
<i>famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1B	
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML</i>	1A	
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>nizatidine CAPS</i>	1B	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC
NEXIUM 24HR TBEC 20 MG	1B	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 EA daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	0	QL(4 EA daily)
Ulcer Therapy Combinations		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	RX/OTC
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	
<i>trospium chloride CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>trospium chloride TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B	
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
<i>flavoxate hcl</i>	1B	
VACCINES		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Bacterial Vaccines			COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10 MCG/0.3ML	0	
ACTHIB SOLR IM	0		COMIRNATY SUSP	0	
BEXSERO 0.5 ML	0		COMIRNATY SUSY	0	
CAPVAXIVE	0		ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
HIBERIX SOLR IJ	0		ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
MENACTRA	0		FLUAD	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
MENQUADFI 0.5 ML	0		FLUAD QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
MENVEO SOLR	0		FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PEDVAX HIB SUSP	0		FLUARIX SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PENBRAYA	0		FLUBLOK QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PENMENVY SUSR IM	0	AL(At least 10 yrs old - Up to 25 yrs old)	FLUBLOK SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PNEUMOVAX 23 SOLN	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PNEUMOVAX 23 SOSY	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PREVNAR 13	0		FLUCELVAX SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail			
TRUMENBA 0.5 ML	0				
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail			
Viral Vaccines					
ABRYSVO	0				
AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
AFLURIA SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
AREXVY	0				
AUDENZ EMUL	0				
AUDENZ PRSY	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FLUCELVAX SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	IPOL IJ	0	
FLULAVAL SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	JYNNEOS	0	
FLUMIST	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML	0	
FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 BIVALENT	0	
FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY	0	
FLUZONE QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0	
FLUZONE SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MRESVIA	0	
FLUZONE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	0	
GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	NUVAXOVID COVID-19 VACCINE SUSY 5 MCG/0.5ML	0	
HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML	0		PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT	0	
			PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	0	
			PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	0	
			PFIZER-BIONT COVID-19 VAC-TRIS SUSP	0	
			PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP	0	
			PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
			PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
RECOMBIVAX HB SUSP	0		Vaginal Anti-inflammatory Agents		
RECOMBIVAX HB SUSY	0		<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
ROTARIX SUSP	0		Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
ROTATEQ SOLN	0		PHEXX	0	PV
SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)	PHEXXI	0	PV
SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	0		Vaginal Estrogens		
SPIKEVAX SUSP	0		<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)
SPIKEVAX SUSY	0		<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
TWINRIX SUSY	0		FEMRING	3	PA
VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML	0		PREMARIN	0	QL(1.5 GM daily)
VAQTA	0		VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	Anaphylaxis Therapy Agents		
VAGINAL AND RELATED PRODUCTS			<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ</i>	1B	QL(2 EA per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Spermicides			Vasopressors		
TODAY SPONGE MISC	0		<i>midodrine hcl</i>	1B	
VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FILM	0		VITAMINS		
Vaginal Anti-infectives			Oil Soluble Vitamins		
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B		<i>cholecalciferol CAPS</i>	1A	
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B		<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
GYNAZOLE-1	3	QL(5 GM per 30 day(s) retail; 5 GM per 30 days mail)	<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>metronidazole vaginal</i>	1B		<i>ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML</i>	1B	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B		VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B		Water Soluble Vitamins		
			NIACIN ER TBCR	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	30	ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	44	AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	48
abacavir sulfate TABS	30	ACTHAR GEL	44	AIMOVIG	53
abacavir sulfate-lamivudine	30	ACTHIB SOLR IM	65	AIMSCO LUBRICATED MISC	51
abiraterone acetate 250 MG	25	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	28	AKYNZEO	17
abiraterone acetate 500 MG	25	acyclovir CAPS	32	albendazole	8
ABRYSVO	65	acyclovir SUSP	32	albuterol sulfate AERS	10
acamprosate calcium	61	acyclovir TABS PO	32	albuterol sulfate NEBU	10
acarbose	14	acyclovir topical CREA	40	albuterol sulfate SYRP	10
acebutolol hcl CAPS	32	acyclovir topical OINT	40	albuterol sulfate TABS	10
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	ADACEL SUSP	63	alclometasone dipropionate CREA 40	
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	63	alclometasone dipropionate OINT .40	
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	adapalene CREA	37	ALDURAZYME	45
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	adapalene GEL	37	ALECENSA	26
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	37	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	44
acetazolamide CP12	43	ADCETRIS	24	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	44
acetazolamide sodium	43	adefovir dipivoxil	31	alfuzosin hcl	48
acetazolamide TABS 125 MG	43	ADEMPAS	34	ALINIA SUSR	21
acetazolamide TABS 250 MG	43	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG ...	63	aliskiren fumarate	21
acetic acid (otic)	59	ADVAIR HFA AERO (fluticasone- salmeterol)	10	allopurinol 100 MG, 300 MG	48
acetic acid 0.25 %	47	ADVATE	48	almotriptan malate 12.5 MG	53
acetylcysteine SOLN	37	ADYNOVATE	48	almotriptan malate 6.25 MG	53
acitretin 10 MG, 17.5 MG	39	AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	65	ALOCRIAL	59
acitretin 25 MG	39	AFLURIA QUADRIVALENT SUSP 65		alogliptin benzoate	15
ACTEMRA ACTPEN SOAJ	3	AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	65	alogliptin-metformin hcl	14
ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	4	AFLURIA SUSP	65	alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	14
ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	3			alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG	14
ACTEMRA SOSY	4				

ALOMIDE	59	amiodarone hcl TABS	9	CP24 25 MG, 30 MG	1
alosetron hcl	47	amitriptyline hcl TABS	14	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG	1
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG	8	amlodipine besylate TABS	33	amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG	1
alprazolam TABS 2 MG	8	amlodipine besylate-atorvastatin calcium	33	amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG	1
alprazolam TB24	8	amlodipine besylate-benazepril hcl 20		amphotericin b IV	18
alprazolam TBDP	8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	20	amphotericin b liposome	18
ALPROLIX	48	amlodipine besylate-valsartan	20	ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM	60
ALREX SUSP (loteprednol etabonate)	58	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide	20	ampicillin CAPS 500 MG	60
ALTABAX	38	amoxapine	14	ampicillin sodium IV 10 GM	60
ALTUVIIIO 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT, 4000 UNIT	48	amoxicillin & pot clavulanate CHEW . 60		anagrelide hcl	49
ALUNBRIG TABS	26	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 60		anastrozole	25
ALUNBRIG TBPK	26	amoxicillin & pot clavulanate TABS 60		ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7
ALVESCO	9	amoxicillin & pot clavulanate TB12 60 60		ANNOVERA	36
alvimopan	47	amoxicillin CAPS	60	ANORO ELLIPTA 25 MCG/ACT-62.5 MCG/ACT (umeclidinium-vilanterol) 10	
amantadine hcl CAPS	28	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG . 60		ANZEMET TABS 50 MG	17
amantadine hcl SOLN	28	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML	60	APIDRA SOLN	16
amantadine hcl TABS	28	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML	60	APIDRA SOLOSTAR SOPN	15
ambrisentan	34	amoxicillin TABS	60	apomorphine hydrochloride SOCT 28 28	
amcinonide CREA	40	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	64	apraclonidine hcl	58
amcinonide LOTN	40	amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG	1	aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG .	17
amcinonide OINT	40	amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG	1	aprepitant CAPS 80 MG	17
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2	amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG	1	aprepitant CAPS	17
amiloride & hydrochlorothiazide ..	43	amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG	1	APRETUDE	30
amiloride hcl TABS	44	amphetamine-dextroamphetamine		APTIOM 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG (eslicarbazepine acetate) .	11
aminocaproic acid TABS	50				
amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML . 9					

APTIVUS CAPS30	atenolol TABS32	azithromycin PACK 51
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML49	ATGAM55	azithromycin SOLR 51
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML49	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG1	azithromycin SUSR51
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML49	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG1	azithromycin TABS 250 MG 51
ARCALYST3	atorvastatin calcium TABS19	azithromycin TABS 500 MG 51
AREXVY65	atovaquone21	azithromycin TABS 600 MG 51
arformoterol tartrate 10	atovaquone-proguanil hcl 22	aztreonam 1 GM22
ARIKAYCE2	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML63	bacitracin (ophthalmic)58
aripiprazole SOLN PO30	ATROVENT HFA9	baclofen TABS57
aripiprazole TABS30	AUDENZ EMUL65	balsalazide disodium CAPS 47
armodafinil1	AUDENZ PRSY65	BALVERSA26
ARMOUR THYROID TABS63	AURANOFIN 3 MG3	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 12
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (fluticasone furoate (inhalation)) 9	AUSTEDO TABS61	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 11
arsenic trioxide 10 MG/10ML28	AUSTEDO XR PATIENT TITRATION TEPK61	BAXDELA SOLR46
ARZERRA24	AUSTEDO XR TB2461	BAXDELA TABS46
asenapine maleate 2.5 MG29	avanafil33	BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN . 53
asenapine maleate 5 MG, 10 MG . 29	AVERI TABS PO35	BELSOMRA50
aspirin CHEW5	AVONEX PEN AJKT61	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...20
aspirin TABS 325 MG5	AVONEX PREFILLED PSKT61	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG .. 20
aspirin TBEC 325 MG5	AYVAKIT25	benazepril hcl19
aspirin TBEC 81 MG5	azacitidine SUSR23	bendamustine hcl SOLR23
aspirin-dipyridamole49	AZATHIOPRINE SODIUM55	BENEFIX KIT48
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG30	azathioprine TABS55	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 37
atazanavir sulfate CAPS 200 MG .30	azelaic acid GEL42	BENZEPRO FOAM 5.3 % 37
atenolol & chlorthalidone20	azelastine hcl (ophth)59	benzonatate 100 MG37
	azelastine hcl57	benzonatate 150 MG37
	AZELEX37	

benzonatate 200 MG	37	50 MG	64	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %	58
benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	37	bexarotene (topical)	39	brimonidine tartrate-timolol maleate .	58
benzoyl peroxide GEL 10 %	37	bexarotene	28	BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML ...	12
benzoyl peroxide GEL 5 %	37	BEXSERO 0.5 ML	65	BRIVIACT TABS	12
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 %	37	BEYFORTUS	60	BRIXADI (WEEKLY) SOSY	7
benzoyl peroxide-erythromycin GEL .	37	bicalutamide	25	BRIXADI SOSY 64 MG/0.18ML, 96	
benztropine mesylate SOLN	28	BIJUVA	46	MG/0.27ML, 128 MG/0.36ML	7
benztropine mesylate TABS	28	BIKTARVY	30	bromfenac sodium (ophth)	59
bepotastine besilate	59	bimatoprost SOLN	59	bromocriptine mesylate CAPS	28
betaine	45	bisacodyl SUPP	50	bromocriptine mesylate TABS 2.5	
betamethasone dipropionate (topical)		bisacodyl TBEC	50	MG	28
CREA	40	bisoprolol & hydrochlorothiazide ..	20	BRUKINSA	26
betamethasone dipropionate (topical)		bisoprolol fumarate	32	budesonide (inhalation) SUSP	9
LOTN	40	bleomycin sulfate 15 UNIT	25	budesonide (intrarectal)	7
betamethasone dipropionate (topical)		BOOSTRIX SUSP	63	budesonide (nasal)	57
OINT	40	BOOSTRIX SUSY	63	budesonide CPEP	36
betamethasone dipropionate		bortezomib SOLR IJ	26	budesonide-formoterol fumarate	
augmented CREA	40	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..	26	dihydrate	10
betamethasone dipropionate		bosentan TABS 125 MG	34	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...	44
augmented LOTN	40	bosentan TABS 62.5 MG	34	bumetanide TABS	44
betamethasone dipropionate		bosentan TBSO 32 MG	34	buprenorphine hcl SOLN	7
augmented OINT	40	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	26	buprenorphine hcl SUBL	7
betamethasone valerate CREA ...	40	BOSULIF TABS 400 MG	26	buprenorphine hcl-naloxone hcl	
betamethasone valerate FOAM ...	40	BRAFTOVI 75 MG	26	dihydrate FILM SL	7
betamethasone valerate LOTN	40	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate-		buprenorphine hcl-naloxone hcl	
betamethasone valerate OINT	41	vilanterol)	10	dihydrate SUBL	7
BETASERON KIT	61	BREO ELLIPTA	10	buprenorphine PTWK	7
betaxolol hcl (ophth) SOLN	58	BREZTRI AEROSPHERE	10	bupropion hcl (smoking deterrent)	62
betaxolol hcl	32	BRILINTA 60 MG, 90 MG (ticagrelor)		bupropion hcl TABS	13
bethanechol chloride 25 MG	64	49		bupropion hcl TB12	13
bethanechol chloride 5 MG, 10 MG,		brimonidine tartrate (topical)	42	bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG	

..... 13	calcitonin (salmon) NA 44	carbidopa-levodopa TBDP 29
bupirone hcl 5 MG 8	calcitriol (topical) 39	carbidopa-levodopa-entacapone . 28
bupirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG 8	calcitriol CAPS 45	carbinoxamine maleate SOLN 18
busulfan SOLN 23	calcitriol SOLN IV 45	carbinoxamine maleate TABS 4 MG . 18
butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG 5	calcium acetate (phosphate binder) CAPS 47	carboplatin SOLN 50 MG/5ML 23
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG 5	calcium acetate (phosphate binder) TABS 47	carisoprodol TABS 57
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG 5	calcium chloride (dihydrate) SOLN 54	carmustine 23
butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG 5	calcium polycarbophil TABS 50	carteolol hcl (ophth) 58
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG 6	CALQUENCE 26	carvedilol 32
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG 6	candesartan cilexetil 20	carvedilol phosphate 32
butalbital-aspirin-caffeine CAPS 5	candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide 20	caspofungin acetate 18
butalbital-aspirin-caffeine w/cod 6	capecitabine 23	CAYA DPRH 51
butenafine hcl 38	CAPRELSA 26	CAYSTON 22
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML 7	captopril 12.5 MG 19	cefaclor CAPS 34
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML . 7	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG . 19	cefaclor SUSR 250 MG/5ML 34
cabergoline 45	CAPVAXIVE 65	cefadroxil CAPS 34
CABOMETYX TABS 26	carbamazepine CHEW 100 MG ... 12	cefadroxil SUSR 34
calcipotriene CREA 39	carbamazepine CP12 100 MG 12	cefadroxil TABS 34
calcipotriene OINT 39	carbamazepine CP12 200 MG 12	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG 34
calcipotriene SOLN 39	carbamazepine CP12 300 MG 12	cefdinir CAPS 35
calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT 41	carbamazepine CP12 300 MG 12	cefdinir SUSR 35
calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP 41	carbamazepine SUSP 12	cefepime hcl SOLR IV 2 GM 35
	carbamazepine TABS 12	cefixime CAPS 35
	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG 12	cefixime SUSR 35
	carbamazepine TB12 200 MG 12	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM 34
	carbidopa 28	cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ... 35
	carbidopa-levodopa TABS 28	cefpodoxime proxetil SUSR 35
	carbidopa-levodopa TBCR 29	cefpodoxime proxetil TABS 35
		cefprozil SUSR 35

cefprozil TABS	35	chlorzoxazone TABS 750 MG	57	cisplatin SOLN 100 MG/100ML	23
ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	35	CHOLBAM	46	citalopram hydrobromide SOLN ...	13
ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG	35	cholecalciferol CAPS	67	citalopram hydrobromide TABS ...	13
ceftriaxone sodium IJ 250 MG	35	cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT	67	clarithromycin SUSR	51
cefuroxime axetil TABS	35	cholestyramine light PACK	19	clarithromycin TABS	51
cefuroxime sodium IJ 750 MG	35	cholestyramine light POWD	19	clarithromycin TB24	51
celecoxib	4	cholestyramine PACK	19	CLASSIC PRENATAL TABS	56
cephalexin CAPS	34	cholestyramine POWD	19	clemastine fumarate SYRP	18
cephalexin SUSR	34	choline fenofibrate	19	clemastine fumarate TABS 2.68 MG . 18	
CERDELGA	49	CHORIONIC GONADOTROPIN IM 44		CLIMARA PRO	46
CEREZYME 400 UNIT	49	ciclopirox GEL	38	clindamycin hcl	22
cetirizine hcl TABS	18	ciclopirox olamine CREA	38	clindamycin palmitate hydrochloride . 22	
cevimeline hcl	56	ciclopirox olamine SUSP	38	clindamycin phosphate (topical) FOAM	37
CHEMET	17	ciclopirox SHAM	38	clindamycin phosphate (topical) GEL 37	
CHEMSTRIP K STRP	43	ciclopirox SOLN	38	clindamycin phosphate (topical) LOTN	37
chloramphenicol sodium succinate 21		cidofovir	31	clindamycin phosphate (topical) SOLN	37
chlordiazepoxide hcl CAPS	8	cilostazol	49	clindamycin phosphate (topical) SWAB	37
chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide	63	CIMDUO	30	clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML	22
chlordiazepoxide-amitriptyline	61	cimetidine hcl PO 300 MG/5ML ...	64	clindamycin phosphate vaginal CREA	67
chlorhexidine gluconate (mouth- throat)	56	cimetidine TABS	64	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	37
chloroquine phosphate TABS 250 MG	22	cinacalcet hcl	45	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %	38
chloroquine phosphate TABS 500 MG	22	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	58		
chlorpromazine hcl SOLN	30	ciprofloxacin hcl (otic)	59		
chlorpromazine hcl TABS	30	ciprofloxacin hcl TABS	46		
chlorthalidone 25 MG, 50 MG	44	ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML . 46			
chlorzoxazone TABS 500 MG	57	ciprofloxacin-dexamethasone	59		
		ciprofloxacin-fluocinolone acetonide . 59			

clindamycin phosphate-tretinoin .. 38	clotrimazole w/ betamethasone LOTN38	(emtricitabine- rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate)30
CLINIMIX E/DEXTROSE (5/20) ...58	clozapine TABS 100 MG29	CONTRACE 1
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10) ..58	clozapine TABS 200 MG29	COPIKTRA26
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5) ...58	clozapine TABS 25 MG, 50 MG ...29	CORDRAN TAPE41
clobazam SUSP11	clozapine TBDP 100 MG29	CORTISONE ACETATE TABS36
clobazam TABS11	clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG 29	CORTISPORIN-TC59
clobetasol propionate CREA 0.05 % . 41	clozapine TBDP 200 MG29	COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY . 39
clobetasol propionate emollient base 0.05 %41	clozapine TBDP 25 MG29	COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ39
clobetasol propionate FOAM41	COARTEM22	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ40
clobetasol propionate GEL 0.05 % 41	codeine sulfate TABS 30 MG5	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...40
clobetasol propionate OINT 0.05 % 41	CODEINE SULFATE TABS5	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .40
clobetasol propionate SOLN 0.05 % . 41	colchicine TABS48	COSENTYX UNOREADY SOAJ ..40
clocortolone pivalate41	colchicine w/ probenecid48	CREON CPEP43
clofarabine23	colesevelam hcl PACK19	CRESEMBA CAPS 186 MG18
clomipramine hcl14	colesevelam hcl TABS19	cromolyn sodium (ophth)59
clonazepam TABS11	colestipol hcl GRAN19	cromolyn sodium NEBU9
clonidine hcl (adhd) TB121	colestipol hcl PACK19	crotamiton LOTN42
clonidine hcl TABS20	colestipol hcl TABS19	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG- 263 MG-11 UNIT-4000 UNIT56
clonidine PTWK20	COMBIVENT RESPIMAT AERS ..10	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML49
clopidogrel bisulfate 300 MG49	COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT26	cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG57
clopidogrel bisulfate 75 MG49	COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT26	cyclophosphamide CAPS23
clorazepate dipotassium TABS8	COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT26	cyclophosphamide SOLR IJ23
clotrimazole (topical) CREA38	COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10 MCG/0.3ML65	cycloserine23
clotrimazole (topical) SOLN38	COMIRNATY SUSP65	cyclosporine (ophth) EMUL58
clotrimazole56	COMIRNATY SUSY65	
clotrimazole vaginal CREA 1 % ...67	COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG	
clotrimazole w/ betamethasone CREA38		

cyclosporine CAPS 55	DAPTACEL63	45
cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS 55	daptomycin 500 MG 21	desmopressin acetate TABS 0.2 MG 45
cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN 55	darifenacin hydrobromide 64	desogestrel & ethinyl estradiol 35
cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML . 55	darunavir TABS 600 MG 30	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic) 35
CYLTEZO (2 PEN) AJKT 2	darunavir TABS 800 MG 30	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic) 35
CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML 3	dasatinib 26	desonide CREA 41
CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML 3	DAURISMO 24	desonide LOTN 41
CYLTEZO-CD/UC/HS STARTER AJKT 3	DEBACTEROL 56	desonide OINT 41
CYLTEZO-PSORIASIS/UV STARTER AJKT 3	decitabine 23	desoximetasone CREA 0.25 % 41
cyproheptadine hcl SYRP 18	deferasirox PACK 17	desoximetasone GEL 41
cyproheptadine hcl TABS 19	deferasirox TABS 17	desoximetasone OINT 0.25 % 41
CYSTAGON CAPS 47	deferasirox TBSO 17	desvenlafaxine succinate 14
CYSTARAN 59	deflazacort SUSP 36	dexamethasone ELIX 36
cytarabine SOLN 23	deflazacort TABS 36	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC 36
dabigatran etexilate mesylate CAPS . 11	DELSTRIGO 30	dexamethasone sodium phosphate (ophth) 58
dacarbazine SOLR 200 MG 28	demeclocycline hcl TABS 62	dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML 36
dactinomycin 26	DEPO-ESTRADIOL 46	dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML 36
dalfampridine 61	DEPO-MEDROL SUSP 36	dexamethasone SOLN 36
danazol CAPS 7	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC 36	dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG 36
dantrolene sodium CAPS 57	DESCOVY 30	dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG 36
dapagliflozin propanediol 16	desipramine hcl TABS 14	dexchlorpheniramine maleate SOLN . 18
dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG 14	desloratadine TABS 18	dexlansoprazole 64
dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG 14	desloratadine TBDP 2.5 MG 18	dexmethylphenidate hcl CP24
dapsone 22	desmopressin acetate SOLN IJ ... 45	
	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA 45	
	desmopressin acetate spray 45	
	desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 % 45	
	desmopressin acetate TABS 0.1 MG	

dexmethylphenidate hcl TABS 1	dicyclomine hcl CAPS 63	diltiazem hcl TB24 33
dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG 1	dicyclomine hcl SOLN PO 63	dimethyl fumarate CDPK 61
dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG 1	dicyclomine hcl TABS 63	dimethyl fumarate CPDR 61
dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG . 1	DIFFERIN LOTN 38	DIPENTUM 47
dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG 1	DIFICID TABS 200 MG (fidaxomicin) 51	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 18
dextrose in lactated ringers 54	diflorasone diacetate CREA 41	diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML 18
DIACOMIT CAPS 250 MG 12	diflorasone diacetate OINT 41	diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML 18
DIACOMIT CAPS 500 MG 12	diflunisal TABS 5	diphenoxylate w/ atropine LIQD ... 16
DIACOMIT PACK 250 MG 12	difluprednate 58	diphenoxylate w/ atropine TABS ... 16
DIACOMIT PACK 500 MG 12	digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML 33	dipyridamole 49
diazepam (anticonvulsant) GEL ... 11	digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG 33	disopyramide phosphate CAPS 8
diazepam CONC 8	dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML 53	disulfiram 61
diazepam SOLN PO 5 MG/5ML 8	DILANTIN (phenytoin sodium extended) 13	divalproex sodium TB24 13
diazepam TABS 8	DILANTIN 13	divalproex sodium TBEC 13
diazoxide 15	DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin) 13	docetaxel CONC 20 MG/ML 28
dichlorphenamide 43	DILANTIN SUSP (phenytoin) 13	docetaxel SOLN 20 MG/2ML 28
diclofenac epolamine PTCH EX ... 39	DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) . 13	docusate calcium 51
diclofenac potassium TABS 50 MG . 4	diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG 33	docusate sodium CAPS 100 MG .. 51
diclofenac sodium (actinic keratoses) EX 39	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG 33	docusate sodium CAPS 250 MG .. 51
diclofenac sodium (ophth) 59	diltiazem hcl CP12 33	dofetilide 9
diclofenac sodium (topical) GEL EX 39	diltiazem hcl CP24 33	donepezil hydrochloride TABS 10 MG 61
diclofenac sodium TB24 4	diltiazem hcl extended release beads 33	donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG 61
diclofenac sodium TBEC 4	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML .. 33	donepezil hydrochloride TBDP 10 MG 61
diclofenac w/ misoprostol TBEC 4	DILTIAZEM HCL SOLR 33	donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 61
dicloxacillin sodium 60	diltiazem hcl TABS 33	DOPTelet 49

dorzolamide hcl	59	DUAVEE	46	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	25
dorzolamide hcl-timolol maleate ..	58	DULERA	10	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	25
DOVATO	30	duloxetine hcl CPEP	14	ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPK	10
doxazosin mesylate	20	DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML 42		ELIQUIS TABS	10
doxepin hcl (antipruritic)	39	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML ...	42	ELLA	36
doxepin hcl (sleep)	50	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML 42		ELMIRON CAPS	47
doxepin hcl CAPS	14	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ...	42	ELOCTATE	48
doxepin hcl CONC	14	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN		eltrombopag olamine PACK 12.5 MG, 25 MG	49
doxercalciferol CAPS	45	DEVI	51	eltrombopag olamine TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG	49
doxercalciferol SOLN	45	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	51	EMBECTA AUTOSHIELD DUO ..	53
doxorubicin hcl liposomal SUSP ...	26	DUREX TROPICAL MISC	51	EMBECTA PEN NEEDLE NANO .	53
doxorubicin hcl SOLN	26	dutasteride	48	EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	53
doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG	26	dutasteride-tamsulosin hcl	48	EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	53
doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG	63	econazole nitrate CREA	38	EMCYT	25
doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG	63	EDARBI	20	EMFLAZA SUSP (deflazacort)	36
doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG	63	EDURANT	30	EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY 53	
doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG	63	efavirenz CAPS 200 MG	30	EMGALITY SOAJ	53
doxycycline hyclate CAPS	63	efavirenz CAPS 50 MG	30	EMGALITY SOSY	53
doxycycline hyclate SOLR	63	efavirenz TABS	30	EMSAM	13
doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	63	efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	30	emtricitabine CAPS	30
doxylamine-pyridoxine TBEC	17	efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	30	emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate	30
dronabinol CAPS	17	EGRIFTA SV	44	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG- 200 MG, 167 MG-250 MG	31
drospirenone-ethinyl estradiol	35	ELAPRASE	45	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	30
drospirenone-ethinyl estradiol- levomefolate calcium	35	electrolyte-148	54		
DROXIA CAPS	49	electrolyte-a	54		
		ELESTRIN GEL	46		
		eletriptan hydrobromide	53		

EMTRIVA SOLN	31	eplerenone	21	erythromycin ethylsuccinate SUSR	51
EMVERM CHEW	8	EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000		erythromycin ethylsuccinate TABS	51
enalapril maleate &		UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000		escitalopram oxalate SOLN	13
hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG		UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	49	escitalopram oxalate TABS	14
20		epoprostenol sodium	34	eslicarbazepine acetate 200 MG, 400	
enalapril maleate &		EQL PRENATAL FORMULA TABS		MG, 600 MG, 800 MG	12
hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20		56		esomeprazole magnesium CPDR 20	
enalapril maleate TABS	19	EQUETRO 100 MG	29	MG	64
ENBREL MINI SOCT	4	EQUETRO 200 MG	29	esomeprazole magnesium CPDR 40	
ENBREL SOLN	4	EQUETRO 300 MG	29	MG	64
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	ERAXIS	18	esomeprazole magnesium TBEC .	64
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	ERBITUX	24	ESPEROCT 500 UNIT, 1000 UNIT,	
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	ergocalciferol CAPS	67	1500 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT	
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ...	65	ergocalciferol SOLN PO 200		48	
ENGERIX-B SUSY	65	MCG/ML	67	estazolam	50
enoxaparin sodium SOLN IJ 300		ergoloid mesylates TABS	62	estradiol GEL	46
MG/3ML	11	ERGOMAR SUBL	53	estradiol PTTW	46
enoxaparin sodium SOSY 100		ergotamine w/ caffeine TABS	53	estradiol PTWK	46
MG/ML, 150 MG/ML	11	eribulin mesylate	28	estradiol TABS	46
enoxaparin sodium SOSY 30		ERIVEDGE	24	estradiol vaginal CREA	67
MG/0.3ML	11	ERLEADA 240 MG	25	estradiol vaginal TABS	67
enoxaparin sodium SOSY 40		ERLEADA 60 MG	25	estradiol valerate	46
MG/0.4ML	11	erlotinib hcl	24	ESTROGEL GEL (estradiol)	46
enoxaparin sodium SOSY 60		ERTACZO	38	estrogens, conjugated TABS 0.3 MG,	
MG/0.6ML	11	ertapenem sodium IJ	21	0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25	
enoxaparin sodium SOSY 80		erythromycin (acne aid) PADS	38	MG	46
MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	11	erythromycin (acne aid) SOLN	38	eszopiclone	50
ENSPRYNG	55	erythromycin (ophth)	58	ethacrynic acid	44
entacapone	28	erythromycin base CPEP	51	ethambutol hcl TABS	23
entecavir TABS	31	erythromycin base TABS	51	ethosuximide CAPS	13
EPIDIOLEX	12	erythromycin base TBEC	51	ethosuximide SOLN	13
epinastine hcl (ophth)	59			ethynodiol diacet & eth estrad	35
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ ..	67				

etodolac CAPS	4	FANTASY LUBRICATED MISC ...	51	fesoterodine fumarate	64
etodolac TABS	4	FANTASY		FETZIMA CP24	14
etonogestrel-ethinyl estradiol	36	LUBRICATED/SPERMICIDE MISC		FETZIMA TITRATION C4PK	14
ETOPOPHOS	28	51		fidaxomicin TABS 200 MG	51
etoposide CAPS	28	FARXIGA (dapagliflozin propanediol)		finasteride	48
etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100			16	fingolimod hcl	61
MG/5ML, 500 MG/25ML	28	FASENRA PEN SOAJ	9	FIRDAPSE	23
etravirine 100 MG	31	FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML	9	FIRMAGON (240 MG DOSE)	25
etravirine 200 MG	31	FASENRA SOSY 30 MG/ML	9	FIRMAGON 80 MG	25
EUCRISA	42	FC2 FEMALE CONDOM	51	flavoxate hcl	64
EVAMIST SOLN	46	febuxostat	48	flecainide acetate	9
everolimus (immunosuppressant)		felbamate SUSP	13	floxuridine	23
0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	55	felbamate TABS 400 MG	13	FLUAD	65
everolimus (immunosuppressant) 1		felbamate TABS 600 MG	13	FLUAD QUADRIVALENT	65
MG	55	felodipine	33	FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	65
everolimus TABS	26	FEMCAP DEVI	51	FLUARIX SUSY	65
EVEXITHROID TABS 180 MG	63	FEMLYV TBDP	35	FLUBLOK QUADRIVALENT	65
EVOTAZ	31	FEMRING	67	FLUBLOK SOSY	65
exemestane	25	fenofibrate micronized 43 MG, 67		FLUCELVAX QUADRIVALENT	
ezetimibe	19	MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG ...	19	SUSP	65
ezetimibe-simvastatin	19	fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145		FLUCELVAX QUADRIVALENT	
famciclovir 125 MG, 250 MG	32	MG, 160 MG	19	SUSY	65
famciclovir 500 MG	32	fenoprofen calcium TABS	4	FLUCELVAX SUSP	65
famotidine in nacl SOLN	64	FENSOLVI (6 MONTH) SC	45	FLUCELVAX SUSY	66
famotidine SOLN 20 MG/2ML	64	fentanyl citrate LPOP	5	fluconazole SUSR	18
famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200		fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25		fluconazole TABS	18
MG/20ML	64	MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR,		flucytosine	18
famotidine SUSR	64	100 MCG/HR	5	fludarabine phosphate SOLN	24
famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	64	ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15		fludarabine phosphate SOLR	24
FANAPT	29	MG/ML	50	fludrocortisone acetate TABS	37
FANAPT TITRATION PACK A	29	ferrous sulfate TABS 325 MG, 65		FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY .	
		MG, 325 MG	50		
		ferrous sulfate TBEC 325 MG	50		

66	fluphenazine hcl TABS30	FLUZONE SUSP66
FLULAVAL SUSY66	flurandrenolide CREA41	FLUZONE SUSY66
flumazenil17	flurandrenolide LOTN41	FML FORTE SUSP59
FLUMIST66	flurazepam hcl50	folic acid TABS49
FLUMIST QUADRIVALENT66	flurbiprofen sodium59	fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11
flunisolide (nasal)57	flurbiprofen TABS4	fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 11
fluocinolone acetonide (otic)59	fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT9	fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .11
fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 41	fluticasone furoate-vilanterol10	fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 11
fluocinolone acetonide CREA 0.025 %41	fluticasone propionate (inhalation) AEPB9	FORA GTEL BLOOD KETONE TEST43
fluocinolone acetonide OIL41	fluticasone propionate (nasal) SUSP . 57	FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON43
fluocinolone acetonide OINT41	fluticasone propionate CREA 0.05 % 41	formoterol fumarate NEBU10
fluocinolone acetonide SOLN41	fluticasone propionate hfa9	FOSAMAX PLUS D44
fluocinonide CREA 0.05 %41	fluticasone propionate LOTN41	fosamprenavir calcium TABS31
fluocinonide CREA 0.1 %41	fluticasone propionate OINT41	fosfomycin tromethamine22
fluocinonide emulsified base41	fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT10	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide20
fluocinonide GEL41	fluticasone-salmeterol AERO10	fosinopril sodium19
fluocinonide OINT41	fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...19	fosphenytoin sodium13
fluocinonide SOLN41	fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...19	FRAGMIN SOSY11
fluorometholone (ophth) SUSP58	fluvoxamine maleate TABS14	FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER52
fluorouracil (topical) CREA 5 % ...39	FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT66	FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR52
fluorouracil (topical) SOLN39	FLUZONE HIGH-DOSE SUSY66	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR52
fluorouracil 500 MG/10ML24	FLUZONE QUADRIVALENT SUSP 66	FREESTYLE LIBRE 2 READER ..52
fluoxetine hcl CAPS14	FLUZONE QUADRIVALENT SUSY 66	FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR ..52
fluoxetine hcl CPDR14		FREESTYLE LIBRE 3 PLUS
fluoxetine hcl SOLN14		
fluoxetine hcl TABS14		
fluphenazine hcl CONC30		
fluphenazine hcl ELIX30		
fluphenazine hcl SOLN30		

SENSOR53	GM/50ML, 10 GM/100ML, 20	glipizide TB2416
FREESTYLE LIBRE 3 READER ..53	GM/200ML60	glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5
FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR ..53	GAMUNEX-C60	MG, 500 MG-2.5 MG14
FREESTYLE LIBRE READER53	ganciclovir sodium SOLR31	glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG
frovatriptan succinate53	ganirelix acetate44	14
FT PRENATAL TABS56	GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML66	GLUCAGEN DIAGNOSTIC43
fulvestrant SOSY25	GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML66	glucagon SOLR IJ 1 MG15
furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10	gatifloxacin (ophth)58	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG,
MG/ML44	gefitinib24	6 MG16
furosemide TABS44	gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200	glyburide TABS16
FUZEON SOLR31	MG24	glyburide-metformin 250 MG-1.25
FYCOMPA TABS 2 MG	gemfibrozil TABS19	MG14
(perampanel)11	GENOTROPIN CART SC45	glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG,
FYCOMPA TABS 4 MG	GENOTROPIN MINIQUICK PRSY 45	500 MG-5 MG14
(perampanel)11	gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..47
FYCOMPA TABS 6 MG	%, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9	glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML
(perampanel)11	%, 1.6 MG/ML-0.9 %2	63
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12	gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..58	glycopyrrolate TABS 1 MG63
MG (perampanel)11	gentamicin sulfate (topical) CREA .38	glycopyrrolate TABS 2 MG63
gabapentin CAPS12	gentamicin sulfate (topical) OINT ..38	GLYXAMBI14
gabapentin SOLN12	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML2	GNP PRENATAL TABS56
gabapentin TABS 600 MG, 800 MG	GENVOYA31	GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS
12	GILOTRIF24	56
galantamine hydrobromide CP24 ..61	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML .	GOHIBIC48
galantamine hydrobromide SOLN .61	61	GOJJI BLOOD KETONE TEST ...43
galantamine hydrobromide TABS .61	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML .	granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML 17
GAMMAGARD 1 GM/10ML, 2.5	61	granisetron hcl TABS17
GM/25ML, 5 GM/50ML, 10	GLEOSTINE 10 MG23	GRASTEK SUBL2
GM/100ML, 20 GM/200ML60	GLEOSTINE 40 MG, 100 MG23	griseofulvin microsize SUSP18
GAMMAGARD 30 GM/300ML60	glimepiride 1 MG, 2 MG16	griseofulvin microsize TABS18
GAMMAGARD S/D LESS IGA SOLR	glimepiride 4 MG16	griseofulvin ultramicrosize18
.....60	glipizide TABS 5 MG, 10 MG16	guanfacine hcl (adhd)1
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5		

guanfacine hcl	20	HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	3	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7
GYNAZOLE-1	67	HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT	3	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG	7
HAEGARDA SOLR SC	48	HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT	3	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG	7
HALAVEN (eribulin mesylate)	28	HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	3	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG	7
halcinonide CREA	41	HUMIRA-PSORIASIS/UVEIT STARTER AJKT	3	hydrocortisone (intrarectal)	7
halobetasol propionate CREA	41	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	16	hydrocortisone (rectal) EX	7
halobetasol propionate OINT	41	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	16	hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %	41
HALOG OINT	41	HYCANTIN CAPS	28	hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % . 41	
haloperidol decanoate	29	hydralazine hcl SOLN	21	hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %	41
haloperidol lactate CONC	29	hydralazine hcl TABS	21	hydrocortisone acetate (rectal)	7
haloperidol lactate SOLN	29	hydrochlorothiazide CAPS	44	hydrocortisone butyrate CREA	41
haloperidol TABS 0.5 MG, 1 MG, 2 MG, 5 MG, 10 MG	29	hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG 44		hydrocortisone butyrate OINT	41
haloperidol TABS 20 MG	29	hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG	44	hydrocortisone butyrate SOLN	41
HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML	66	hydrocodone bitartrate CP12	5	hydrocortisone sod succinate 100 MG	36
HEMANGEOL SOLN PO	32	hydrocodone bitartrate T24A	5	hydrocortisone TABS	36
HEMATINIC/FOLIC ACID	50	hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER .	37	hydrocortisone vaginal	67
HEPARIN (PORCINE) IN NACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11		hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML	6	hydrocortisone valerate CREA	42
heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	11	hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML	6	hydrocortisone valerate OINT	42
HEPLISAV-B SOSY	66	hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG	6	hydrocortisone w/acetic acid	59
HIBERIX SOLR IJ	65			hydromorphone hcl LIQD	5
HUMATROPE CART IJ	45			hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML . 5	
HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	3			hydromorphone hcl TABS	5
HUMIRA (2 PEN) AJKT	3			hydromorphone hcl TB24 32 MG ...	5
HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	3				
HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT	3				

hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG	5	imatinib mesylate TABS	26	INSULIN ASPART PROT & ASPART SUSP	16
hydroxychloroquine sulfate 100 MG 22		IMBRUVICA CAPS 140 MG	26	INSULIN ASPART SOLN IJ	16
hydroxychloroquine sulfate 200 MG 22		IMBRUVICA CAPS 70 MG	26	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	16
hydroxychloroquine sulfate 400 MG 22		IMBRUVICA SUSP	26	INSULIN DEGLUDEC SOLN	16
hydroxyurea	28	IMBRUVICA TABS	26	INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN 16	
hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ..	8	imipenem-cilastatin IV	21	INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN 16	
hydroxyzine hcl SYRP	8	imipramine hcl TABS	14	INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN	16
hydroxyzine hcl TABS	8	imipramine pamoate	14	INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SOPN	16
hydroxyzine pamoate CAPS	8	imiquimod 5 %	42	INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUPN	16
HYPERSAL NEBU	37	IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ 4 MG/0.5ML	53	INSULIN LISPRO SOLN IJ	16
HYQVIA	60	IMPAVIDO	21	INTELENCE 25 MG	31
ibandronate sodium SOLN	44	INCRELEX	45	IONOSOL-MB IN D5W	54
ibandronate sodium TABS	44	INCRUSE ELLIPTA	9	IOPIDINE	58
IBRANCE CAPS	26	indapamide TABS 1.25 MG	44	IPOL IJ	66
IBRANCE TABS	26	indapamide TABS 2.5 MG	44	ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 57	
ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML	4	indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG 4		ipratropium bromide (nasal) 0.06 % 57	
ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG ..	4	indomethacin CPCR	4	ipratropium bromide SOLN 0.02 % .	9
ibuprofen TABS 800 MG	4	INFANRIX	63	ipratropium-albuterol SOLN	10
icatibant acetate SOSY	48	INFLECTRA SOLR	47	irbesartan	20
ICLUSIG	26	INGREZZA CAPS	61	irbesartan-hydrochlorothiazide	20
icosapent ethyl 1 GM	19	INGREZZA CPPK	61	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML	28
idarubicin hcl 20 MG/20ML	26	INGREZZA CPSP	61	irrigation solutions, physiological ..	56
idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	26	INLYTA	24	ISENTRESS CHEW	31
IDELVION	48	INREBIC	26		
ifosfamide SOLN 1 GM/20ML	23	INSULIN ASP PROT & ASP FLEXPEN SUPN	16		
ifosfamide SOLR	23	INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN .	16		
		INSULIN ASPART PENFILL SOCT	16		

ISENTRESS HD TABS	31	UNIT, 3000 UNIT	48	KIMONO PS MISC	51
ISENTRESS TABS	31	JULUCA	31	KIMONO PS PLUS MISC	51
ISOLYTE-P IN D5W	54	JYNARQUE TBPK 15 MG (tolvaptan)	45	KIMONO SENSATION MISC	51
ISOLYTE-S	54	JYNNEOS	66	KIMONO SENSATION PLUS MISC	51
isoniazid SOLN	23	KALETRA SOLN	31	KIMONO SPECIAL DEVI	51
isoniazid SYRP	23	KALYDECO TABS	62	KINRIX SUSY	63
isoniazid TABS	23	KAMELEON LUBRICATED MISC	51	KISQALI (200 MG DOSE)	26
isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG	8	KANJINTI	24	KISQALI (400 MG DOSE)	26
isosorbide dinitrate-hydralazine hcl 33		KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	54	KISQALI (600 MG DOSE)	26
isosorbide mononitrate TABS	8	KCL-LACTATED RINGERS-D5W	54	KISQALI FEMARA (200 MG DOSE)	26
isosorbide mononitrate TB24	8	ketoconazole (topical) CREA	38	KISQALI FEMARA (400 MG DOSE)	26
isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	38	ketoconazole (topical) SHAM 2 %	38	KISQALI FEMARA (600 MG DOSE)	26
isradipine CAPS	33	ketoconazole	18	KLOXXADO LIQD	17
itraconazole CAPS	18	KETONE TEST STRP	43	KOGENATE FS KIT	48
itraconazole SOLN	18	ketoprofen CAPS 50 MG	4	KOSELUGO	26
ivabradine hcl TABS	34	ketorolac tromethamine (ophth)	59	KOVALTRY	48
ivermectin (pediculicide)	42	ketorolac tromethamine TABS	4	KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	56
ivermectin	8	KETOSTIX STRP	43	KRINTAFEL	22
IXEMPRA KIT 15 MG	28	ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %	59	K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	52
JAKAFI	26	KEVZARA SOAJ	4	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	52
JANUMET TABS	15	KEVZARA SOSY	4	KYPROLIS	26
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	15	KIMONO COLORS DEVI	51	labetalol hcl SOLN	32
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	15	KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	51	labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG	32
JANUVIA	15	KIMONO MICRO THIN PLUS MISC	51	labetalol hcl TABS 300 MG	32
JARDIANCE	16	KIMONO MISC	52	lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML	12
JEVTANA	28	KIMONO PLUS MISC	51		
JIVI 500 UNIT, 1000 UNIT, 2000					

lacosamide TABS	12	LEMTRADA	61	levobunolol hcl 0.5 %	58
lactated ringer's (irrigation)	56	lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG	55	levocetirizine dihydrochloride SOLN 18	
lactated ringer's	54	lenalidomide 20 MG	55	levocetirizine dihydrochloride TABS 18	
lactic acid (ammonium lactate) CREA	42	LENVIMA (10 MG DAILY DOSE) ..	24	levofloxacin (ophth) 0.5 %	58
lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %	42	LENVIMA (12 MG DAILY DOSE) ..	24	levofloxacin in d5w 500 MG/100ML 46	
lactulose (encephalopathy)	47	LENVIMA (14 MG DAILY DOSE) ..	24	levofloxacin SOLN PO	46
lactulose SOLN	50	LENVIMA (18 MG DAILY DOSE) ..	24	levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG . 46	
lamivudine (hbv) TABS	31	LENVIMA (20 MG DAILY DOSE) ..	24	levofloxacin TABS 500 MG	46
lamivudine SOLN	31	LENVIMA (24 MG DAILY DOSE) ..	24	levonorgestrel & eth estradiol TABS 35	
lamivudine TABS 150 MG	31	LENVIMA (4 MG DAILY DOSE) ..	24	levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG	36
lamivudine TABS 300 MG	31	LENVIMA (8 MG DAILY DOSE) ..	24	levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)	35
lamivudine-zidovudine	31	letrozole	25	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91- day) 0.03 MG-0.15 MG	35
lamotrigine CHEW 25 MG	12	leucovorin calcium SOLR	28	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)	35
lamotrigine CHEW 5 MG	12	leucovorin calcium TABS	28	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 35	
lamotrigine TABS 100 MG	12	LEUKERAN	23	levorphanol tartrate TABS 2 MG	5
lamotrigine TABS 150 MG	12	LEUKINE SOLR IJ	49	levothyroxine sodium TABS	63
lamotrigine TABS 200 MG	12	leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML	25	LEXIVA SUSP	31
lamotrigine TABS 25 MG	12	levabuterol hcl	10	lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %	51
lamotrigine TBDP	12	levabuterol hcl 1.25 MG/0.5ML	10	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ...	56
LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	33	levabuterol tartrate	10	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ...	56
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)	33	LEVEMIR FLEXPEN SOPN	16	lidocaine hcl GEL 2 %	42
lansoprazole CPDR 15 MG	64	LEVEMIR SOLN	16	lidocaine hcl PRSY	42
lansoprazole CPDR 30 MG	64	levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 12		lidocaine hcl SOLN	42
lanthanum carbonate CHEW	47	levetiracetam TABS 1000 MG	12		
lapatinib ditosylate	26	levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG	12		
LASTACFT	59	levetiracetam TABS 500 MG	12		
latanoprost SOLN	59	levetiracetam TB24	12		
leflunomide	4				

lidocaine PTCH 5 %	42	lorazepam CONC	8	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	45
lidocaine-prilocaine CREA	42	lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG	8	lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG	29
lincomycin hcl	22	lorazepam TABS 1 MG	8	lurasidone hcl 80 MG	29
linezolid SUSR	22	LORBRENA	26	LYNPARZA TABS	27
linezolid TABS	22	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG	20	LYSODREN	25
LINZESS	47	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 20		mafenide acetate PACK	40
liothyronine sodium SOLN	63	losartan potassium	20	magnesium sulfate IJ 50 %	55
liothyronine sodium TABS	63	LOTEMAX OINT	59	malathion	43
liraglutide	15	loteprednol etabonate GEL	59	maraviroc TABS 150 MG	31
lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1		loteprednol etabonate SUSP	59	maraviroc TABS 300 MG	31
lisdexamfetamine dimesylate CHEW . 1		lovastatin TABS 10 MG, 20 MG	19	MARPLAN	13
lisinopril & hydrochlorothiazide	20	lovastatin TABS 40 MG	19	MASONATAL TABS	56
lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	19	loxapine succinate	29	MATULANE	28
lithium	29	lubiprostone	46	MAVYRET TABS	32
lithium carbonate CAPS	29	LUCEMYRA (lofexidine hcl)	61	MAXIDEX SUSP OP	59
lithium carbonate TABS	29	luliconazole	38	MAXX MISC	52
lithium carbonate TBCR	29	LUMAKRAS 120 MG, 240 MG	27	MAXX PLUS MISC	52
LO LOESTRIN FE TABS	35	LUMAKRAS 320 MG	27	meclizine hcl TABS 12.5 MG	17
lofexidine hcl	61	LUMIZYME	45	meclizine hcl TABS 25 MG	17
LOKELMA	56	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	25	meclofenamate sodium CAPS	4
loperamide hcl CAPS	16	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	25	MEDROL TABS	36
lopinavir-ritonavir SOLN	31	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	25	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM	36
lopinavir-ritonavir TABS	31	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	25	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM	36
LOQTORZI	24	LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) . 45		medroxyprogesterone acetate 10 MG	60
loratadine CAPS	18	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	45	medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG	60
loratadine CHEW	18			mefenamic acid CAPS	4
loratadine SOLN	18				
loratadine TABS	18				
loratadine TBDP	18				

mefloquine hcl	23	metformin hcl TABS 1000 MG	15	hcl)	1
megestrol acetate (appetite)	60	metformin hcl TABS 500 MG	15	methylphenidate hcl CHEW 10 MG .	1
megestrol acetate SUSP	25	metformin hcl TABS 850 MG	15	methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG	1
megestrol acetate TABS	25	metformin hcl TB24 500 MG	15	methylphenidate hcl CHEW 5 MG ..	1
MEKINIST TABS 0.5 MG	27	metformin hcl TB24 750 MG	15	methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20	2
MEKINIST TABS 2 MG	27	methadone hcl CONC	5	MG, 40 MG, 60 MG	2
MEKTOVI	27	METHADONE HCL SOLN IJ		methylphenidate hcl CP24 30 MG ..	2
meloxicam TABS	4	(methadone hcl)	5	methylphenidate hcl CP24	1
melphalan	23	methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML	.5	methylphenidate hcl CPCR	2
melphalan hcl IV	23	methadone hcl SOLN PO 10		methylphenidate hcl SOLN	2
memantine hcl TABS	61	MG/5ML	5	methylphenidate hcl TABS 10 MG,	2
MENACTRA	65	methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML	5	20 MG	2
MENEST 2.5 MG	46	5		methylphenidate hcl TABS 5 MG ...	2
MENOSTAR PTWK	46	methadone hcl TABS 10 MG	6	methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27	2
MENQUADFI 0.5 ML	65	methadone hcl TABS 5 MG	5	MG	2
MENVEO SOLR	65	methadone hcl TBSO	6	methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54	2
meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML,		methamphetamine hcl	1	MG	2
50 MG/ML, 100 MG/ML	5	methazolamide TABS	43	methylphenidate hcl TBCR 10 MG,	2
meperidine hcl SOLN PO 50		methenamine hippurate	22	20 MG	2
MG/5ML	5	methimazole TABS	63	methylphenidate hcl TBCR 18 MG,	2
meperidine hcl TABS 50 MG	5	methocarbamol TABS 500 MG, 750		27 MG	2
meprobamate	8	MG	57	methylphenidate hcl TBCR 36 MG,	2
mercaptopurine TABS	24	methotrexate sodium SOLN 50		54 MG	2
meropenem	21	MG/2ML, 250 MG/10ML	24	methylphenidate PTCH	2
mesalamine CP24	47	methotrexate sodium SOLR	24	methylprednisolone acetate SUSP	36
mesalamine CPDR	47	methotrexate sodium TABS 2.5 MG		methylprednisolone sod succ 40 MG,	36
mesalamine ENEM	47	24		125 MG, 500 MG, 1000 MG	36
mesalamine SUPP	47	methoxsalen rapid	40	methylprednisolone TABS	36
mesalamine TBEC 1.2 GM	47	methscopolamine bromide	63	methylprednisolone TBPK	36
mesalamine TBEC 800 MG	47	methsuximide	13	methyltestosterone TABS	7
metaxalone 800 MG	57	methyldopa TABS	20	metoclopramide hcl SOLN IJ 5	
		METHYLIN SOLN (methylphenidate		MG/ML	46
				metoclopramide hcl SOLN PO 5	

MG/5ML, 10 MG/10ML	47	minocycline hcl TABS	63	MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG	6
metoclopramide hcl TABS	47	minoxidil 2.5 MG, 10 MG	21	morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML	6
metolazone	44	MIRCERA	49	morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML	6
metoprolol & hydrochlorothiazide TABs 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG	20	mirtazapine TABS	13	morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML	6
metoprolol & hydrochlorothiazide TABs 25 MG-50 MG	20	mirtazapine TBDP	13	morphine sulfate TABS	6
metoprolol succinate TB24 200 MG 32		misoprostol	64	morphine sulfate TBCR	6
metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG	32	mitomycin SOLR IV 20 MG	26	MOTEGRITY (prucalopride succinate)	46
metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML	32	mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML ..	26	MOTOFEN	16
metoprolol tartrate TABs 25 MG, 50 MG, 100 MG	32	M-M-R II SOLR	66	MOVANTIK	47
metronidazole (topical) CREA	42	M-NATAL PLUS TABS	56	moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP	58
metronidazole (topical) GEL 0.75 % 42		MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML . 66		moxifloxacin hcl in sodium chloride 46	
metronidazole (topical) GEL 1 % ..	42	modafinil 100 MG	2	moxifloxacin hcl TABS	46
metronidazole (topical) LOTN	42	modafinil 200 MG	2	MRESVIA	66
metronidazole TABs 250 MG, 500 MG	21	MODERNA COVID-19 BIVALENT 66		MULPLETA	49
metronidazole vaginal	67	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP	66	MULTI PRENATAL TABS	56
mexiletine hcl	9	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY	66	mupirocin OINT	38
micafungin sodium	18	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	66	MVASI	24
miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG	67	moexipril hcl	19	MYALEPT	45
midodrine hcl	67	mometasone furoate (nasal) SUSP 57		mycophenolate mofetil CAPS	55
mifepristone	45	mometasone furoate CREA	42	mycophenolate mofetil TABS	55
miglitol	14	mometasone furoate OINT	42	mycophenolate sodium	55
miglustat	49	mometasone furoate SOLN	42	MYLERAN TABS	23
minocycline hcl CAPS	63	montelukast sodium CHEW	9	nabumetone	4
		montelukast sodium PACK	9	nadolol TABs 20 MG	33
		montelukast sodium TABS	9	nadolol TABs 40 MG	33
		morphine sulfate CP24 10 MG, 20		nadolol TABs 80 MG	33

naftillin sodium IV 10 GM60	0.1 %59	NICODERM CQ PT24 TD (nicotine) . 62
naftifine hcl CREA 1 %39	neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...59	NICORETTE GUM (nicotine polacrilex)62
naftifine hcl CREA 2 %39	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN . 59	NICORETTE LOZG (nicotine polacrilex)62
nalbuphine hcl7	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP . 59	NICORETTE MINI LOZG (nicotine polacrilex)62
naloxone hcl LIQD17	NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG- 27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG56	NICORETTE STARTER KIT GUM (nicotine polacrilex)62
naloxone hcl SOCT17	NEONATAL PLUS TABS56	NICOTINE KIT62
naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML17	NEONATAL PRENATAL TABS ...56	nicotine polacrilex GUM62
naloxone hcl SOSY17	NEONATAL VITAMIN TABS56	nicotine polacrilex LOZG62
naltrexone hcl17	neostigmine methylsulfate SOSY ..23	nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR62
naproxen sodium TABS 550 MG ...4	NEO-SYNALAR38	NICOTROL INHA62
naproxen SUSP4	NEUPRO29	NICOTROL NS SOLN62
naproxen TABS4	NEVANAC59	nifedipine CAPS 10 MG33
naproxen TBEC 500 MG4	nevirapine SUSP31	nifedipine CAPS 20 MG33
naratriptan hcl53	nevirapine TABS31	nifedipine TB24 60 MG33
NARCAN LIQD (naloxone hcl)17	nevirapine TB24 400 MG31	nifedipine TB24 90 MG33
NATACYN58	NEXIUM 24HR TBEC 20 MG64	nifedipine TB2433
NATAZIA35	NEXTSTELLIS35	nilotinib hcl 150 MG, 200 MG27
nateglinide16	niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..19	nilotinib hcl 50 MG27
NAYZILAM11	niacin CPCR 250 MG, 500 MG ...68	nilutamide25
nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 32	NIACIN ER TBCR67	nimodipine CAPS33
nebivolol hcl 20 MG32	niacin TABS68	NINLARO27
NEBUSAL NEBU37	niacin TBCR68	NIPENT28
nefazodone hcl14	niacinamide TABS 100 MG68	nisoldipine33
nelarabine24	niacinamide TABS 500 MG68	nitazoxanide TABS21
neomycin sulfate TABS2	nicardipine hcl CAPS33	nitisinone CAPS45
neomycin-bacitracin zn-polymyxin 58	nicardipine hcl SOLN33	NITRO-BID OINT8
neomycin-polymy-dexameth OINT 59		
neomycin-polymy-dexameth SUSP 0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML,		

nitrofurantoin	22	norethindrone-eth estradiol (triphasic)	35	NUCALA SOLR	9
nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG	22	norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)	35	NUCALA SOSY 100 MG/ML	9
nitrofurantoin monohyd macro	22	norgestimate-ethinyl estradiol	35	NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	9
nitroglycerin (intra-anal)	7	norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG	36	NUEDEXTA	62
nitroglycerin CPR	8	NORMOSOL-M IN D5W	54	NULOJIX	55
nitroglycerin PT24	8	NORMOSOL-R PH 7.4	54	NUVAXOVID COVID-19 VACCINE SUSY 5 MCG/0.5ML	66
NITROGLYCERIN SOLN IV	8	NORPRAMIN TABS 10 MG, 25 MG (desipramine hcl)	14	nystatin (mouth-throat)	56
nitroglycerin SUBL	8	nortriptyline hcl CAPS	14	nystatin (topical) CREA	39
NIVA-PLUS TABS	56	nortriptyline hcl SOLN	14	nystatin (topical) OINT	39
nizatidine CAPS	64	NORVIR CAPS	31	nystatin (topical) POWD EX	39
NORDITROPIN FLEXPOR SOPN 30 MG/3ML	45	NORVIR PACK	31	nystatin TABS	18
NORDITROPIN FLEXPOR SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	45	NOVA MAX PLUS KETONE TEST 43		nystatin-triamcinolone CREA	39
norelgestromin-ethinyl estradiol	36	NOVAREL IM 10000 UNIT	44	nystatin-triamcinolone OINT	39
norethin acet & estrad-fe CAPS	35	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	66	NYVEPRIA	49
norethin acet & estrad-fe CHEW	35	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	66	octreotide acetate SOLN	45
norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	35	NOVOEIGHT	48	ODEFSEY	31
norethindrone & eth estradiol	35	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	16	ODOMZO	24
norethindrone & ethinyl estradiol-fe	35	NOVOLIN 70/30 SUSP	16	OFEV	62
norethindrone (contraceptive)	36	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	16	ofloxacin (ophth)	58
norethindrone acet & eth estra TABS	35	NOVOLIN N SUSP	16	ofloxacin (otic)	59
norethindrone acetate TABS	60	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	16	ofloxacin 300 MG, 400 MG	46
norethindrone acetate-ethinyl estradiol	46	NOVOLIN R SOLN IJ	16	OGIVRI	24
norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe	35	NP THYROID TABS	63	olanzapine SOLR	30
		NUBEQA	25	olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG	30
		NUCALA SOAJ	9	olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	30
				olanzapine TBDP 20 MG	30
				olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	30
				olmesartan medoxomil	20

olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide	20	OPVEE NA	17	40 MG, 80 MG	6
olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide	21	ORENITRAM TBCR	34	oxycodone hcl TABS	6
olopatadine hcl (nasal)	57	ORGOVYX	25	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7
olopatadine hcl 0.1 %	59	ORLISSA	44	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG	7
olopatadine hcl 0.2 %	59	ORKAMBI PACK	62	oxymorphone hcl TABS	6
omega-3-acid ethyl esters	19	ORKAMBI TABS	62	oxymorphone hcl TB12 40 MG	6
omeprazole CPDR	64	ORLADEYO	48	oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG	6
omeprazole magnesium CPDR	64	orphenadrine citrate TB12	57	OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	15
omeprazole TBEC	64	oseltamivir phosphate CAPS	32	OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	15
omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	64	oseltamivir phosphate SUSR	32	OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN	15
OMNIFLEX DIAPHRAGM	52	OSPHENA	45	paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML	28
ONCASPAR	27	OTEZLA TABS	4	paclitaxel protein-bound particles	28
ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML	17	OTEZLA TBPK	4	paliperidone	29
ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML	17	OTEZLA XR TB24 PO 75 MG	4	palonosetron hcl SOLN	17
ondansetron hcl SOSY	17	OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPK	4	pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML	44
ondansetron hcl TABS 24 MG	17	oxacillin sodium IV 10 GM	60	PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	44
ondansetron hcl TABS 4 MG	17	oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	23	PANRETIN	39
ondansetron hcl TABS 8 MG	17	oxaprozin TABS	4	pantoprazole sodium TBEC 20 MG	64
ondansetron TBDP 4 MG	17	oxazepam CAPS	8	pantoprazole sodium TBEC 40 MG	64
ondansetron TBDP 8 MG	17	oxcarbazepine SUSP	12	paricalcitol CAPS	45
ONE VITE WOMENS PLUS TABS	56	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	12	paricalcitol SOLN	45
ONE VITE WOMENS TABS	56	oxcarbazepine TABS 600 MG	12	paroxetine hcl SUSP	14
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	53	oxiconazole nitrate CREA	39	paroxetine hcl TABS	14
OPILL	36	OXISTAT LOTN	39		
OPSUMIT	34	oxybutynin chloride SOLN	64		
		oxybutynin chloride TABS 5 MG	64		
		oxybutynin chloride TB24	64		
		oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG,			

paroxetine hcl TB24	14	perampanel TABS 2 MG	11	phenytoin CHEW	13
pazopanib hcl	27	perampanel TABS 4 MG	11	phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG	13
PEDIARIX SUSY	63	perampanel TABS 6 MG	11	phenytoin sodium SOLN	13
pediatric multivitamins w/fl CHEW ..	56	perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	11	phenytoin SUSP	13
PEDVAX HIB SUSP	65	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG ..	20	PHEXX	67
peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid	50	perindopril erbumine 4 MG	20	PHEXXI	67
peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 236 GM 50		PERJETA	24	PHOTOFRIN	28
peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride	50	permethrin CREA	43	PHYRAGO 20 MG, 50 MG, 70 MG, 80 MG, 100 MG, 140 MG	27
PEGASYS SOLN	32	permethrin LIQD EX	43	PIFELTRO	31
PEGASYS SOSY	32	perphenazine TABS	30	pilocarpine hcl (oral)	56
PEMAZYRE	27	perphenazine-amitriptyline	61	pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % 58	
pemetrexed disodium SOLR 500 MG 24		PERSERIS PRSY	29	pimecrolimus	42
PENBRAYA	65	PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT 66		pimozide	62
peniclovir	40	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	66	pindolol TABS	33
penicillamine CAPS	55	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	66	pioglitazone hcl	16
penicillamine TABS	55	PFIZER-BIONT COVID-19 VAC- TRIS SUSP	66	pioglitazone hcl-glimepiride	15
PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML ..	60	PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP	66	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS 15	
penicillin g potassium 5000000 UNIT 60		PHEBURANE PLLT	45	piperacillin sodium-tazobactam sodium	60
penicillin g sodium	60	phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 200 MG	48	PIQRAY (200 MG DAILY DOSE) ..	27
penicillin v potassium SOLR	60	phendimetrazine tartrate TABS	1	PIQRAY (250 MG DAILY DOSE) ..	27
penicillin v potassium TABS	60	phenelzine sulfate	13	PIQRAY (300 MG DAILY DOSE) ..	27
PENMENVY SUSR IM	65	phenobarbital ELIX	50	pirfenidone CAPS	62
PENTACEL	63	phenobarbital TABS	50	pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG 62	
pentazocine w/ naloxone hcl	7	phenoxybenzamine hcl	20	pirfenidone TABS 534 MG	62
pentoxifylline	48	phentermine hcl CAPS	1	piroxicam CAPS	4
				PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23	

MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L	54	potassium chloride PACK PO 20 MEQ	55	prednisolone SOLN	36
PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..	54	POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 55		prednisolone TABS	36
PLEGRIDY SOAJ	61	potassium chloride SOLN PO 10 %, 10 %	55	prednisone SOLN	36
PLEGRIDY SOSY SC	61	potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ	55	prednisone TABS 1 MG, 5 MG	36
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ . 61		potassium citrate (alkalinizer) TBCR . 47		prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG	37
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	61			prednisone TBPK	37
plerixafor	50			pregabalin (once-daily) 330 MG ...	62
PNEUMOVAX 23 SOLN	65	potassium phosphates 45 MMOLE/15ML	55	pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	62
PNEUMOVAX 23 SOSY	65	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	38	pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12	
podofilox SOLN	42	pralatrexate 20 MG/ML	24	pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...	12
polymyxin b sulfate SOLR	22	pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG	29	pregabalin SOLN	12
polymyxin b-trimethoprim	58	pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG	29	PREGNYL IM	44
POMALYST	25	prasugrel hcl	49	PREHEVBRIO	66
posaconazole SUSP	18	pravastatin sodium	19	PREMARIN	67
potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML . 55		praziquantel	8	PREMARIN SOLR	46
potassium bicarbonate TBEF	55	prazosin hcl CAPS	20	PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG (estrogens, conjugated)	46
potassium chloride CPCR	55	PRECISION XTRA KETONE	43	PREMPHASE	46
potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	54	PRED MILD	59	PREMPRO	46
potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L	54	prednisolone acetate (ophth)	59	PRENATAL ONE DAILY TABS	57
potassium chloride in nacl 20 MEQ/L- 0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L- 0.9 %	54	PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	59	PRENATAL PLUS TABS	57
potassium chloride microencapsulated crystals er	55	prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML	36	PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS	57
		prednisolone sodium phosphate TBDP	36	PRENATAL TABS	57
				PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS	57
				PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6	

MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG- 4000 UNIT-30 UNIT57	PROLASTIN-C SOLR62	pyridostigmine bromide TBCR23
PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG- 25 MG-4000 UNIT-30 UNIT57	PROLEUKIN28	pyrimethamine23
PRENATRIX TABS57	PROLIA SOSY44	QC PRENATAL TABS57
PRENATRYL TABS57	PROMACTA PACK 12.5 MG, 25 MG (eltrombopag olamine)49	QINLOCK27
PREVNAR 1365	PROMACTA TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG (eltrombopag olamine)49	QUADRACEL SUSP63
PREVNAR 2065	promethazine hcl SOLN PO 6.25 MG/5ML, 12.5 MG/10ML18	QUADRACEL SUSY63
PREZCOBIX31	promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG18	quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG30
PREZISTA SUSP31	promethazine hcl SUPP 50 MG ... 18	quetiapine fumarate TB2430
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG 31	promethazine hcl TABS18	quinapril hcl 20 MG, 40 MG20
PRIFTIN23	propafenone hcl CP129	quinapril hcl 5 MG, 10 MG20
primaquine phosphate TABS23	propafenone hcl TABS9	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG21
primidone 50 MG, 250 MG12	proparacaine hcl58	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG21
PRIORIX SUSR66	propranolol hcl CP2433	quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG- 20 MG21
probenecid48	propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML33	quinidine sulfate TABS8
procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 8	propranolol hcl TABS33	quinine sulfate CAPS 324 MG23
prochlorperazine30	propylthiouracil63	QVAR REDHALER10
prochlorperazine maleate TABS ...30	PROQUAD SUSR67	rabeprazole sodium TBEC64
PROCRT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML49	protiptyline hcl14	raloxifene hcl45
PROCRT 40000 UNIT/ML49	prucalopride succinate46	ramelteon50
progesterone CAPS60	PULMICORT FLEXHALER AEPB ..9	ramipril CAPS20
PROGRAF PACK55	PULMOZYME62	ranolazine TB12 1000 MG8
PROGRAF SOLN55	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABs57	ranolazine TB12 500 MG8
PROLASTIN-C SOLN62	pyrazinamide23	rasagiline mesylate29
	pyridostigmine bromide SOLN PO 23	REALITY LATEX CONDOMS MISC . 52
	pyridostigmine bromide TABS 60 MG23	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI52

REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 52	rifabutin23	ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG29
REBIF REBIDOSE SOAJ61	rifampin CAPS23	ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG29
REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ61	rifampin SOLR23	rosuvastatin calcium TABS19
REBIF SOSY62	riluzole TABS58	ROTARIX SUSP67
REBIF TITRATION PACK SOSY ..62	rimantadine hydrochloride TABS ..32	ROTATEQ SOLN67
RECOMBIVAX HB SUSP67	ringer's55	ROZLYTREK CAPS27
RECOMBIVAX HB SUSY67	ringer's irrigation56	RUBRACA27
RELENZA DISKHALER32	RINVOQ LQ SOLN2	rufinamide SUSP12
RELION KETONE TEST STRP ...43	RINVOQ TB242	rufinamide TABS 200 MG12
RELION LANCET DEVICES 30G .53	risedronate sodium TABS 150 MG 44	rufinamide TABS 400 MG12
RELION LANCETS53	risedronate sodium TABS 35 MG .44	RUXIENCE24
RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP43	risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG44	RYBELSUS TABS15
RENFLEXIS47	risedronate sodium TBEC44	sacubitril-valsartan TABS33
repaglinide 0.5 MG, 1 MG16	risperidone microspheres29	salsalate5
repaglinide 2 MG16	risperidone SOLN29	SANTYL OINT42
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT19	risperidone TABS29	sapropterin dihydrochloride PACK .45
REPATHA SOSY19	risperidone TBDP29	sapropterin dihydrochloride TABS .45
REPATHA SURECLICK SOAJ19	ritonavir TABS31	SAVELLA TABS61
RETACRIT49	rivaroxaban SUSR 1 MG/ML10	SAVELLA TITRATION PACK MISC 61
RETEVMO CAPS27	rivaroxaban TABS 2.5 MG10	saxagliptin hcl15
RETROVIR SOLN31	rivastigmine tartrate CAPS61	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG- 2.5 MG15
REXTOVY LIQD17	RIVIVE LIQD17	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG15
REXULTI30	rizatriptan benzoate TABS 10 MG .53	SCSEMBLIX 100 MG27
REZVOGLAR KWIKPEN16	rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..54	SCSEMBLIX 20 MG, 40 MG27
ribavirin (hepatitis c) CAPS32	rizatriptan benzoate TBDP 10 MG .54	scopolamine17
ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 32	rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..54	SELECT INSULIN SYRINGES ...53
RIDAURA3	roflumilast9	SELECT LANCETS53
	romidepsin SOLR27	
	ropinirole hydrochloride TABS29	

selegiline hcl CAPS	29	SKYRIZI SOCT	47	SOLU-MEDROL 2 GM	37
selegiline hcl TABS	29	SKYRIZI SOLN	47	sorafenib tosylate	27
selenium sulfide LOTN 2.5 %	40	SKYRIZI SOSY	40	SORBITOL 3 %	47
SELZENTRY SOLN	31	SLYND	36	SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	47
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG 31		SM PRENATAL VITAMINS TABS .57		sotalol hcl (afib/afib)	33
SEMGLEE (YFGN) SOLN	16	SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	54	sotalol hcl TABS 240 MG	33
SEMGLEE (YFGN) SOPN	16	sodium acetate SOLN	54	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	33
SEREVENT DISKUS	10	sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	47	SOVALDI TABS 400 MG	32
sertraline hcl CONC	14	sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	37	SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	67
sertraline hcl TABS	14	sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	55	SPIKEVAX SUSP	67
sevelamer carbonate PACK	47	sodium citrate & citric acid	47	SPIKEVAX SUSY	67
sevelamer carbonate TABS	47	sodium fluoride CHEW	55	spinosad	43
SHINGRIX	67	sodium phenylbutyrate POWD	45	SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	9
SIGNIFOR	45	sodium phenylbutyrate TABS	45	spironolactone & hydrochlorothiazide	43
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN	34	sodium polystyrene sulfonate POWD 56		spironolactone TABS	44
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	34	sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML	56	SPRAVATO (56 MG DOSE)	13
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS	34	sodium sulfate-potassium sulfate- magnesium sulfate	50	SPRAVATO (84 MG DOSE)	13
sildenafil citrate	33	SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	32	SPRYCEL (dasatinib)	27
silodosin	48	solifenacin succinate TABS	64	stannous fluoride CONC	56
silver sulfadiazine	40	SOLQUA	15	STELARA 130 MG/26ML	47
SIMPONI ARIA SOLN	3	SOLOSEC	2	STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	40
SIMULECT	55	SOLU-CORTEF (hydrocortisone sod succinate)	37	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	40
simvastatin TABS	19	SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	37	STELARA SOSY 90 MG/ML	40
sirolimus TABS	55	SOLU-CORTEF 250 MG	37	STENDRA (avanafil)	34
SIRTURO	23			STIOLTO RESPIMAT	10
SIVEXTRO TABS	22			STIVARGA	27
SKYRIZI PEN SOAJ	40			STRENSIQ	45

streptomycin sulfate SOLR	2	sulindac TABS	4	tafluprost	59
STRIBILD	31	sumatriptan	54	TAGRISSO 40 MG	24
STRIVERDI RESPIMAT	10	sumatriptan succinate SOAJ	54	TAGRISSO 80 MG	24
SUBLOCADE SOSY	7	sumatriptan succinate SOCT	54	TAKHZYRO SOLN	48
SUBOXONE FILM SL (buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate)	7	sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	54	TAKHZYRO SOSY	48
SUBSYS LIQD 800 MCG	6	sumatriptan succinate TABS	54	TALZENNA	27
sucralfate SUSP	64	sumatriptan-naproxen sodium	53	tamoxifen citrate TABS	25
sucralfate TABS	64	sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	27	tamsulosin hcl	48
sulconazole nitrate CREA	39	sunitinib malate 37.5 MG	27	TASIGNA 150 MG, 200 MG (nilotinib hcl)	27
sulconazole nitrate SOLN	39	SUNOSI 150 MG	1	TASIGNA 50 MG (nilotinib hcl)	27
sulfacetamide sodium (acne)	38	SUNOSI 75 MG	1	tavaborole	39
sulfacetamide sodium (ophth) SOLN . 58		SYNAREL	45	TAVALISSE	48
sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	38	SYNJARDY TABS	15	tazarotene CREA 0.1 %	40
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	38	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	TAZVERIK	27
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	38	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	15	TDVAX SUSP	63
sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	59	SYNRIBO	28	TEFLARO	35
sulfadiazine TABS	62	SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	63	TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 12	
sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	21	TABLOID	24	TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 12	
sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	21	TABRECTA	27	telmisartan	20
sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	21	tacrolimus (topical) OINT	42	telmisartan-amlodipine	21
SULFAMYLON CREA	40	tacrolimus CAPS	55	telmisartan-hydrochlorothiazide ...	21
sulfasalazine TABS	47	tacrolimus SOLN 5 MG/ML	55	temazepam 15 MG, 30 MG	50
sulfasalazine TBEC	47	tadalafil (pulmonary hypertension) TABs	34	temazepam 7.5 MG, 22.5 MG	50
		tadalafil 5 MG	34	TEMODAR SOLR	23
		TAFINLAR CAPS	27	temozolomide CAPS	23
				temsirolimus	27
				TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU	63
				tenofovir disoproxil fumarate TABS	

31	THYROGEN 0.9 MG	43	topiramate CPSP 25 MG	12
terazosin hcl	20	tiagabine hcl	13	topiramate CS24
terbinafine hcl TABS	18	TIBSOVO	27	topiramate TABS 200 MG
terbutaline sulfate SOLN	10	ticagrelor 60 MG, 90 MG	49	topiramate TABS 25 MG, 100 MG
terbutaline sulfate TABS	10	tigecycline	62	topiramate TABS 50 MG
terconazole vaginal CREA	67	timolol maleate (ophth) SOLG	58	topotecan hcl SOLR
terconazole vaginal SUPP	67	timolol maleate (ophth) SOLN	58	toremifene citrate
teriflunomide	62	timolol maleate TABS	33	torsemide TABS
teriparatide SOPN	44	tiopronin TBEC 100 MG	48	TRACLEER TBSO 32 MG (bosentan)
TESTOSTERONE CYPIONATE		tiopronin TBEC 300 MG	48	
SOLN IJ 200 MG/ML	7	tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG		tramadol hcl TABS 50 MG
testosterone cypionate SOLN IM ...	7		9	tramadol hcl TB24
testosterone enanthate SOLN IM ...	7	TIVICAY TABS	31	tramadol-acetaminophen
TETANUS-DIPHTHERIA TOXOIDS		tizanidine hcl CAPS	57	trandolapril 1 MG, 2 MG
TD SUSP	63	tizanidine hcl TABS	57	trandolapril 4 MG
tetrabenazine	61	tobramycin (ophth) SOLN	58	trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2
tetracycline hcl CAPS	63	tobramycin NEBU	2	MG, 240 MG-1 MG
THALOMID	55	tobramycin sulfate SOLN IJ 2		trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2
theophylline ELIX	10	GM/50ML, 10 MG/ML, 80 MG/2ML .2		MG, 240 MG-4 MG
theophylline SOLN	10	tobramycin-dexamethasone SUSP		tranexamic acid SOLN 1000
theophylline TB12	10	59		MG/10ML
theophylline TB24	10	TODAY SPONGE MISC	67	tranexamic acid TABS
THERANATAL CORE NUTRITION		tolcapone	28	tranylcypromine sulfate
TABS	57	tolmetin sodium CAPS	4	travoprost SOLN
THIOLA EC TBEC 100 MG		tolmetin sodium TABS 600 MG	4	TRAZIMERA
(tiopronin)	48	TOLSURA CAPS	18	trazodone hcl TABS
THIOLA EC TBEC 300 MG		tolterodine tartrate CP24	64	TRELEGY ELLIPTA
(tiopronin)	48	tolterodine tartrate TABS	64	TRELSTAR MIXJECT
thioridazine hcl	30	tolvaptan TABS	45	TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC
thiotepa 15 MG	23	tolvaptan TBPK 15 MG	46	100 MG/ML
thiothixene	30	topiramate CPSP 15 MG	12	TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML
THYMOGLOBULIN	55			40

TREMFYA PEN SOAJ SC 200 MG/2ML47	triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG43	tropicamide SOLN 0.5 % 58
TREMFYA SOLN IV47	triamterene & hydrochlorothiazide TABS43	tropicamide SOLN 1 % 58
TREMFYA SOSY 100 MG/ML40	triamterene CAPS44	trospium chloride CP2464
TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML 47	triazolam50	trospium chloride TABS64
TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ SC 200 MG/2ML47	TRICARE TABS57	TRUE COVER DEVI52
treprostinil SOLN IJ34	trientine hcl 250 MG55	TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP43
tretinoin (chemotherapy)28	trifluoperazine hcl TABS30	TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN ...53
tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %38	trifluridine58	TRULANCE46
tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %38	trihexyphenidyl hcl SOLN28	TRULICITY 0.75 MG/0.5ML, 1.5 MG/0.5ML15
tretinoin microsphere 0.1 %38	trihexyphenidyl hcl TABS28	TRULICITY 3 MG/0.5ML, 4.5 MG/0.5ML15
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG24	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG .15	TRUMENBA 0.5 ML65
triamcinolone acetonide (mouth) ..56	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG15	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC52
triamcinolone acetonide (nasal) AERO58	TRIKAFTA TBPK62	TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDDED MISC52
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %42	trimethobenzamide hcl CAPS17	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC52
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %42	trimethoprim TABS21	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC52
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %42	trimipramine maleate CAPS14	TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC52
triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %42	TRINTELLIX14	TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC52
triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %42	TRIUMEQ TABS31	TRUSTEX LUBRICATED MISC ...52
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %42	TRIZIVIR31	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 52
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %42	TROJAN BARESKIN DEVI52	TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC52
triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML37	TROJAN MAGNUM MISC52	TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC52
	TROJAN ULTRA THIN MISC52	
	TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC52	
	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC 52	
	TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC . 52	

TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC . 52	valganciclovir hcl TABS31	MG, 300 MG 33
TRUSTEX-NONOXYNOL-9/RIB/STUD MISC52	valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML 13	verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG 33
TRUXIMA24	valproic acid CAPS 13	verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML ...33
TUKYSA24	valrubicin 26	verapamil hcl TABS33
TURALIO 125 MG 27	valsartan TABS 20	verapamil hcl TBCR33
TWINRIX SUSY67	valsartan-hydrochlorothiazide21	VEREGEN38
TWIRLA 36	vancomycin hcl CAPS 21	VERZENIO27
TYBLUME CHEW36	vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG 22	VICTOZA (liraglutide) 15
TYBOST31	vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML .21	vigabatrin PACK 13
TYMLOS44	VAQTA 67	vigabatrin TABS13
TYVASO REFILL KIT SOLN IN ...34	VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML67	VIIBRYD STARTER PACK KIT14
TYVASO SOLN IN34	varenicline tartrate TABS 62	vilazodone hcl TABS14
TYVASO STARTER KIT SOLN IN .34	varenicline tartrate TBPk 62	vincristine sulfate28
UBRELVY53	VARIVAX SUSR 67	vinorelbine tartrate 10 MG/ML28
UDENYCA ONBODY SOSY49	VARUBI (180 MG DOSE) TBPk ...18	VIRACEPT TABS 250 MG31
UDENYCA SOAJ49	VAXELIS SUSP63	VIRACEPT TABS 625 MG31
UDENYCA SOSY49	VAXELIS SUSY63	VIREAD POWD31
umeclidinium-vilanterol10	VAXNEUVANCE65	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG31
UPTRAVI TABS 200 MCG34	VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FILM67	VISTOGARD 17
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG 34	VECAMEYL21	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT 67
UPTRAVI TITRATION TBPk34	VECTIBIX 100 MG/5ML 24	VITATHELY WITH GINGER TABS 57
ursodiol CAPS 46	VEMLIDY32	VITRAKVI CAPS27
ursodiol TABS46	venlafaxine hcl CP24 14	VITRAKVI SOLN27
UVADEX28	venlafaxine hcl TABS 14	VIVITROL17
VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG 25	venlafaxine hcl TB2414	VIZIMPRO24
valacyclovir hcl 1 GM 32	VENTAVIS IN 10 MCG/ML 34	VORAXAZE 28
valacyclovir hcl 500 MG32	verapamil hcl CP24 100 MG, 200	voriconazole TABS18

VYNDAMAX	34	propanediol-metformin hcl)	15	YONSA	25
VYNDAQEL	34	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500		YUFLYMA (1 PEN) AJKT	3
warfarin sodium TABS	10	MG-10 MG, 500 MG-5 MG	15	YUFLYMA (2 PEN) AJKT	3
water for irrigation, sterile	56	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000		YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	3
WESTAB PLUS TABS	57	MG-5 MG	15	YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	52	XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300		AJKT	3
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	52	MG/2ML	9	zafirlukast	9
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	52	XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	9	zaleplon 10 MG	50
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	52	XOLAIR SOLR	9	zaleplon 5 MG	50
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	52	XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300		ZALTRAP 100 MG/4ML	24
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	52	MG/2ML	9	ZANOSAR	23
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	52	XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	9	ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	13
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	52	XOSPATA	27	ZARXIO	49
XALKORI CAPS	27	XPOVIO (100 MG ONCE WEEKLY)		ZEJULA CAPS	27
XARELTO STARTER PACK TBPk		50 MG	25	ZEJULA TABS 100 MG	27
10		XPOVIO (40 MG ONCE WEEKLY)		ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG ..	27
XARELTO SUSR 1 MG/ML		40 MG	25	ZELBORAF	27
(rivaroxaban)	10	XPOVIO (40 MG TWICE WEEKLY)		ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000	
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	10	40 MG	25	UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-	
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG		XPOVIO (60 MG ONCE WEEKLY)		10000 UNIT-3000 UNIT, 168000	
(rivaroxaban)	10	60 MG	25	UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT,	
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	11	XPOVIO (60 MG TWICE WEEKLY) .		24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT,	
XELJANZ SOLN	2	25		42000 UNIT-32000 UNIT-10000	
XELJANZ TABS 10 MG	2	XPOVIO (80 MG ONCE WEEKLY)		UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-	
XELJANZ TABS 5 MG	2	40 MG	25	15000 UNIT, 84000 UNIT-63000	
XELJANZ XR TB24	2	XPOVIO (80 MG TWICE WEEKLY) .		UNIT-20000 UNIT	43
XGEVA SOLN	44	25		ZENPEP CPEP 252600 UNIT-	
XHANCE EXHU	58	XTANDI CAPS	25	189600 UNIT-60000 UNIT	43
XIFAXAN 200 MG	21	XTANDI TABS 40 MG	25	ZEPATIER	32
XIFAXAN 550 MG	21	XTANDI TABS 80 MG	25	zidovudine CAPS	31
XIGDUO XR (dapagliflozin		XULTOPHY	15	zidovudine SYRP	31
		XYNTHA	48	zidovudine TABS	31
		XYNTHA SOLOFUSE	48	zileuton TB12	9
		YERVOY	24		

ZIMHI SOSY	17
ziprasidone hcl	29
ZIRABEV	24
ZIRGAN GEL	58
ZOLADEX 10.8 MG	25
ZOLADEX 3.6 MG	25
zoledronic acid CONC	44
zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML 44	
ZOLINZA	27
zolmitriptan SOLN	54
zolmitriptan TABS	54
zolmitriptan TBDP	54
zolpidem tartrate TABS	50
zolpidem tartrate TBCR	50
zonisamide CAPS	13
ZONTIVITY	49
ZORBTIVE SC	45
ZUBSOLV SUBL	7
ZURNAI IJ 1.5 MG/0.5ML	17
ZYDELIG	27
ZYLET	59

Ambetter of Illinois được bảo lãnh bởi Celtic Insurance Company, đây là đơn vị cung cấp Chương Trình Bảo Hiểm Y Tế Đủ Điều Kiện trên Thị Trường Bảo Hiểm Y Tế Illinois. Đây là thư mời chào mua bảo hiểm. ©2024 Celtic Insurance Company, AmbetterofIllinois.com. Để biết thông tin về quyền được nhận chương trình Ambetter of Illinois mà không bị phân biệt đối xử hoặc quyền được nhận các dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ, thính giác và/hoặc thị giác, vui lòng truy cập AmbetterHealth.com và cuộn xuống cuối trang.